

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 199 /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 và kế hoạch đầu tư công năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 đã được sửa
đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ
sung năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu
tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu,
Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành
án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 8222/BKHĐT-TH ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ
Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm
2025;

Sau khi tổng hợp, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh
tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024, dự thảo Nghị quyết điều
chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 và giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm
2025, như sau:

A. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 10 THÁNG NĂM 2024

1. Tổng nguồn vốn ngân sách năm 2024 (đã được Hội đồng nhân dân
tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024) là
16.280,561 tỷ đồng giải ngân đến 31/10/2024 là 7.048,27 tỷ đồng đạt 43,29% kế
hoạch; trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương là 2.509 tỷ đồng, giải ngân là 1.169,24 tỷ đồng,
đạt 46,6% kế hoạch.

- Vốn ngân sách địa phương kế hoạch giao là 13.771,561 tỷ đồng, giải ngân
là 5.879,03 tỷ đồng, đạt 42,69% kế hoạch, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: kế hoạch giao là 9.863,553 tỷ đồng, giải ngân là 3.810,283 tỷ đồng, đạt 38,63% kế hoạch.

+ Ngân sách huyện: kế hoạch giao là 3.908,008 tỷ đồng, giải ngân là 2.068,747 tỷ đồng, đạt 52,94% kế hoạch.

2. Nguồn vốn kéo dài thuộc kế hoạch các năm trước được phép kéo dài sang năm 2024

- Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024 là 2.510,372 tỷ đồng (Quyết số 123/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ), giải ngân là 1.082,881 tỷ đồng, đạt 43,14% kế hoạch.

- Nguồn vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 kéo dài sang năm 2024 (Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội) là 692,65 tỷ đồng, giải ngân là 691,215 tỷ đồng, đạt 99,79% kế hoạch.

- Vốn ngân sách tỉnh năm 2023 kéo dài sang năm 2024 (Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh) là 931,005 tỷ đồng, giải ngân 512,746 tỷ đồng, đạt 55,07% kế hoạch.

- Vốn ngân sách huyện, xã năm 2023 kéo dài sang năm 2024 (Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh) là 284,344 tỷ đồng, giải ngân 55,128 tỷ đồng, đạt 19,39% kế hoạch.

II. Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm năm 2024 (gồm 16 dự án)

- Dự án Đường liên cảng huyện Nhơn Trạch (giai đoạn 1): đã được phê duyệt dự án tại Quyết định số 3027/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 (đối với dự án thành phần xây dựng) và dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường Liên cảng (giai đoạn 1) đã được phê duyệt dự án tại Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2024. Đã bố trí vốn 1,1 tỷ đồng. Hiện đang lập hồ sơ đo đạc thu hồi đất.

- Dự án Đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh (đoạn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai) (dự án chuyển tiếp): dự án đang triển khai thi công, kế hoạch 2024 bố trí cho xây lắp (thành phần 3) là 740,385 tỷ đồng (trong đó vốn tỉnh là 34,791 tỷ đồng, vốn vốn trung ương là 705,594 tỷ đồng), giải ngân đạt 32% kế hoạch.

- Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai (dự án chuyển tiếp): dự án đang triển khai thực hiện bồi thường, kế hoạch năm 2024 bố trí cho giải phóng mặt bằng (dự án thành phần 4) là 396,159 tỷ đồng (vốn trung ương), đạt 92% kế hoạch.

- Dự án thành 1 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1 (dự án chuyển tiếp): kế hoạch 2024 bố trí cho xây lắp (thành phần 3) là 439,247 tỷ đồng (vốn trung ương), giải ngân đạt 18% kế hoạch; kế hoạch 2024 bố trí cho giải phóng mặt bằng là 2.714,756 tỷ đồng (trong đó vốn tỉnh là 1.996,756 tỷ đồng, vốn trung ương 718 tỷ đồng), đạt 62% kế hoạch.

- Dự án thành 2 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1: thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (dự án

chuyển tiếp). Kế hoạch 2024 bố trí cho giải phóng mặt bằng là 1.089,626 tỷ đồng, giải ngân đạt 41% kế hoạch.

- Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hoà (từ cầu Hoá An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu), (dự án chuyển tiếp): dự án đang triển khai thi công, kế hoạch năm 2024 bố trí vốn là 88 tỷ đồng (vốn trung ương), giải ngân 11% kế hoạch.

- Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hoà (từ cầu Hoá An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu), (dự án chuyển tiếp): dự án đang triển khai thi công, kế hoạch năm 2024 bố trí là 90,325 tỷ đồng (trong đó vốn tỉnh là 50 tỷ đồng, vốn vốn trung ương là 40,325 tỷ đồng), giải ngân 56% kế hoạch.

- Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn 2 từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía cù lao phổ), (dự án chuyển tiếp): dự án đang triển khai thi công, kế hoạch năm 2024 bố trí là 65,675 tỷ đồng (trong đó vốn tỉnh là 05 tỷ đồng, vốn trung ương là 61,675 tỷ đồng), giải ngân 32% kế hoạch.

- Dự án xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hoà – đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu), (dự án chuyển tiếp): hiện đang triển khai thi công, kế hoạch năm 2024 bố trí là 221,501 tỷ đồng (trong đó vốn tỉnh là 216,501 tỷ đồng, vốn trung ương là 5 tỷ đồng), giải ngân 56% kế hoạch.

- Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hoà – đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu) (dự án chuyển tiếp): hiện đang triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, kế hoạch năm 2024 bố trí là 501,67 tỷ đồng (kể cả vốn kéo dài), giải ngân 39% kế hoạch.

- Dự án đường ven Sông Cái (đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn), thành phố Biên Hòa - (dự án chuyển tiếp): bố trí vốn kế hoạch 2024 là 70 tỷ đồng, giải ngân 53% kế hoạch.

- Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đường ven sông Cái từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn: đang thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, kế hoạch năm 2024 bố trí là 260 tỷ đồng, giải ngân 72% kế hoạch.

- Dự án Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (cuối tuyến) (dự án chuyển tiếp): công trình đã thi công hoàn thành, kế hoạch năm 2024 bố trí là 143,322 tỷ đồng (xây lắp là 60 tỷ đồng, bồi thường giải phóng mặt bằng là 83,322 tỷ đồng), giải ngân 80% kế hoạch.

- Dự án Xây dựng cầu Vàm Cái Sứt trên đường Hương lộ 2 nối dài (dự án chuyển tiếp): hiện đang triển khai thi công, kế hoạch năm 2024 bố trí 2024 là 15 tỷ đồng, giải ngân 67% kế hoạch.

- Dự án Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (dự án chuyển tiếp): hiện đang triển khai thi công, kế hoạch năm 2024 bố trí là 47,463 tỷ đồng (xây lắp là 39,463 tỷ đồng, bồi thường giải phóng mặt bằng là 8 tỷ đồng), giải ngân 25% kế hoạch.

- Dự án Đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai: đã cơ bản hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hiện đang tổ chức lựa

chọn thi công xây dựng công trình, kế hoạch năm 2024 bố trí là 229 tỷ đồng giải ngân 92% kế hoạch.

III. Đánh giá chung về tình hình thực hiện

1. Những mặt đạt được

- Việc cân đối vốn kế hoạch năm 2024 đảm bảo thứ tự ưu tiên trong công tác bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Tổ chỉ đạo công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh (thành lập tại Quyết định số 1394-QĐ/TU ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tỉnh ủy) thường xuyên tổ chức giám sát, đánh giá dự án đầu tư, đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện giải ngân đúng tiến độ, phù hợp với vốn kế hoạch giao không để xảy ra nợ đọng.

- Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức phong trào thi đua thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024. Tại hội nghị, các đơn vị chủ đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ký kết bản giao ước thi đua, cam kết tỷ lệ giải ngân trong năm đạt tối thiểu 95% kế hoạch.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kế hoạch 30 ngày đêm thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm (đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu; đường ven sông Cái từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn; đường Trục trung tâm thành phố Biên Hoà) nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng dự án, sớm bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công xây dựng.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo đôn đốc giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024; đồng thời cũng chủ trì làm việc với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị chủ đầu tư để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân của dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm của tỉnh.

2. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

Tỷ lệ giải ngân bình quân của tỉnh 10 tháng đầu năm 2024 đạt 45,73%, thấp hơn tỷ lệ giải ngân bình quân của cả nước là 50,79%.

Tỷ lệ giải ngân các dự án trọng điểm của tỉnh 10 tháng đầu năm **đạt thấp**: tổng số vốn kế hoạch là 7.589,344 tỷ đồng, giải ngân đến 24/10/2024 là 3.888,822 tỷ đồng, đạt 57,95% kế hoạch, nguyên nhân là do:

- Một số dự án khởi công mới thuộc kế hoạch năm 2024 bố trí vốn chuyển tiếp. Tỷ lệ giải ngân các tháng đầu năm chưa cao là do phải hoàn ứng phần tạm ứng hợp đồng.

- Một số dự án bố trí vốn khởi công mới năm 2024 đang thực hiện thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, trình thẩm định phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu làm cơ sở lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp (dự kiến khởi công vào quý III và quý IV năm 2024). Tỷ lệ giải ngân các tháng đầu năm chưa cao là do chỉ thanh toán phần khối lượng tư vấn.

- Vướng mắc về đất đắp.

- Vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (đặc biệt là các dự án giao thông) là nguyên nhân chủ yếu.

- Sau khi ký kết hợp đồng thi công dự án, một số chủ đầu tư chưa quyết liệt yêu cầu nhà thầu lập kế hoạch triển khai cụ thể làm cơ sở theo dõi, đôn đốc kịp thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân dự án theo kế hoạch được giao.

- Năng lực của một số đơn vị nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng còn hạn chế, cụ thể: chất lượng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công chưa đảm bảo, trong quá trình triển khai thi công xây dựng còn dễ xảy ra phát sinh ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây dựng dự án, nhà thầu thi công xây dựng, cung cấp thiết bị không triển khai thực hiện theo đúng hợp đồng được ký kết, buộc phải dừng hoặc chấm dứt hợp đồng.

- Sau khi ký kết hợp đồng thi công dự án, một số chủ đầu tư chưa quyết liệt yêu cầu nhà thầu lập kế hoạch triển khai cụ thể làm cơ sở theo dõi, đôn đốc kịp thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân dự án theo kế hoạch được giao.

B. BÁO CÁO NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

I. Nội dung điều chỉnh kế hoạch năm 2024 thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cơ sở pháp lý

- Theo quy định tại Khoản 5, Điều 57, Luật Đầu tư công quy định về nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án, dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước: mức vốn bố trí cho từng chương trình, dự án không vượt quá tổng mức vốn của chương trình, dự án đã được phê duyệt.

- Theo quy định tại Khoản 8, Điều 67, Luật Đầu tư công quy định về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công: Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương để đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

2. Nội dung điều chỉnh

Để đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024, căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch năm 2024 đối với các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch.

Nguyên tắc điều chỉnh: tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2024 không thay đổi so với tổng nguồn vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024; chỉ thực hiện điều chỉnh giữa các ngành, lĩnh vực và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn ngân sách trung ương, nguồn ngân sách tập trung, nguồn xổ số kiến thiết và nguồn thu đầu giá đất.

Các quyết định điều chỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2024; Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024; Quyết định số 3406/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11

năm 2024 và Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024. Cụ thể như sau:

- Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương: điều chỉnh giảm kế hoạch đối với 03 dự án, kế hoạch điều chỉnh giảm là 276,138 tỷ đồng, để điều chỉnh tăng kế hoạch đối với 02 dự án, kế hoạch điều chỉnh tăng là 276,138 tỷ đồng.

- Đối với nguồn vốn ngân sách tập trung: điều chỉnh giảm kế hoạch đối với 09 dự án, kế hoạch điều chỉnh giảm là 138,695 tỷ đồng, để điều chỉnh tăng kế hoạch đối với 13 dự án, kế hoạch điều chỉnh tăng là 138,695 tỷ đồng.

- Nguồn khai thác đất: điều chỉnh giảm kế hoạch đối với 31 dự án, kế hoạch điều chỉnh giảm là 304,737 tỷ đồng, để điều chỉnh tăng kế hoạch đối với 27 dự án, kế hoạch điều chỉnh tăng là 304,737 tỷ đồng.

- Đối với nguồn vốn xổ số kiến thiết: điều chỉnh giảm kế hoạch đối với 12 dự án, kế hoạch điều chỉnh giảm là 194,083 tỷ đồng, để điều chỉnh tăng kế hoạch đối với 08 dự án, kế hoạch điều chỉnh tăng là 194,083 tỷ đồng.

3. Nội dung phân khai chi tiết:

Tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân tỉnh có giao kế hoạch năm 2024 cho dự án Đường Sông Nhạn – Dầu Giây, tổng số là 44.500 triệu đồng, để có cơ sở huyện Thống Nhất và huyện Cẩm Mỹ triển khai các Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai chi tiết số kế hoạch năm 2024 đã bố trí cho dự án đến các đơn vị chủ đầu tư (tại Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2024), như sau:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh: kế hoạch vốn năm 2024 bố trí là 1,0 tỷ đồng.

- UBND huyện Thống Nhất: kế hoạch vốn năm 2024 bố trí là 39,472 tỷ đồng.

- UBND huyện Cẩm Mỹ: kế hoạch vốn năm 2024 bố trí là 4,028 tỷ đồng.

II. Nội dung giao bổ sung kế hoạch năm 2024

Tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024, Hội đồng nhân dân tỉnh đã giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn cấp sau quyết toán còn lại của kế hoạch 2024 cho các dự án khi có quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành, cụ thể:

1. Nguồn vốn cấp sau quyết toán (nguồn ngân sách tập trung), tổng số là 20.000.000.000 đồng, trong đó:

- Số vốn đã cấp là 14.163.911.219 đồng.

- Giao bổ sung chi tiết (lần 1 tại Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2024) là 2.437.427.000 đồng cho 03 dự án.

- Giao bổ sung chi tiết (lần 2 tại Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024) là 3.398.661.781 đồng cho 03 dự án.

- Dự phòng số vốn cấp sau quyết toán còn lại là 0 đồng.

2. Nguồn vốn cấp sau quyết toán (nguồn vốn xổ số kiến thiết), tổng số là 19.000.000.000 đồng, trong đó:

- Số vốn đã cấp là 3.750.054.190 đồng.
- Giao bổ sung chi tiết (lần 1 tại Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2024) là 661.103.320 đồng cho 07 dự án.
- Giao bổ sung chi tiết (lần 2 tại Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024) là 3.003.490.219 đồng cho 04 dự án.
- Dự phòng số vốn cấp sau quyết toán còn lại là 11.585.352.271 đồng.

III. Nội dung kiến nghị điều chỉnh, giao bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024

1. Đối với điều chỉnh nguồn vốn ngân sách trung ương

Tại Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 và Quyết định số 258/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2024 về việc giao dự toán và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021 cho Bộ Giao thông vận tải và 08 địa phương để thực hiện 03 dự án đường bộ cao tốc quan trọng quốc gia theo Nghị quyết số 58/2022/QH15, Nghị quyết số 59/2022/QH15 và Nghị quyết số 60/2022/QH15 của Thủ tướng Chính phủ, nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước) được giao cho tỉnh Đồng Nai là 2.509 tỷ đồng. Tỉnh Đồng Nai đã phân bổ 2.504 tỷ đồng, còn 05 tỷ đồng chưa phân bổ (dự phòng bố trí cho dự án Đầu tư xây dựng Đường Liên Cảng huyện Nhơn Trạch (giai đoạn 1) khi hoàn thiện thủ tục đầu tư).

Tại Nghị quyết số 1231/NQUBTVQH15 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh dự toán và kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2024 giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, theo đó điều chỉnh dự toán và kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2024 của tỉnh Đồng Nai giảm 05 tỷ đồng (do chưa kịp hoàn thiện thủ tục phê duyệt dự án đầu tư trước ngày 30 tháng 6 năm 2024 để phân bổ vốn kế hoạch năm 2024 nguồn vốn ngân sách Trung ương).

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị điều chỉnh giảm dự toán và kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2024, số dự toán giảm là 05 tỷ đồng. Kế hoạch năm 2024 từ nguồn vốn ngân sách trung ương sau khi giảm là 2.504 tỷ đồng.

2. Đối với giao bổ sung nguồn vốn cấp sau quyết toán

a) Tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024, Hội đồng nhân dân tỉnh có bố trí nguồn vốn cấp sau quyết toán nguồn vốn xổ số kiến thiết, tổng số là 19.000 triệu đồng.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 10 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao nguồn vốn cấp sau quyết toán nguồn vốn xổ số kiến thiết là 7.414.647.729 đồng, số còn lại chưa phân bổ là 11.585.352.271 đồng.

b) Kiến nghị:

Căn cứ tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư các dự án của các đơn vị chủ đầu tư và tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 11 tháng đầu năm 2024 và

tình hình thực hiện quyết toán các dự án hoàn thành, Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị giao chi tiết từ nguồn dự phòng cấp sau quyết toán chưa phân bổ, cụ thể như sau:

- Giao nguồn vốn xổ số kiến thiết dự phòng chưa phân bổ là 11,585 tỷ đồng cho 03 dự án.

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết cấp sau quyết toán còn lại là 352.271 đồng sẽ tiếp tục phân bổ cho các dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhưng còn thiếu vốn kế hoạch đến hết năm 2024.

3. Đối với nguồn dự phòng ngân sách tỉnh theo Luật Ngân sách

Theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024: nguồn dự phòng ngân sách tỉnh theo Luật Ngân sách là 53,514 tỷ đồng.

Căn cứ tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư các dự án của các đơn vị chủ đầu tư và tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 11 tháng đầu năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị giao chi tiết nguồn dự phòng ngân sách tỉnh nêu trên cho 01 dự án (thực hiện hoàn vốn ứng trước) là 53,514 tỷ đồng.

4. Tổng nguồn kế hoạch sau điều chỉnh

4.1. Tổng nguồn vốn trong cân đối năm 2024 là 16.275,561 tỷ đồng, gồm:

- a. Nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là 12.367,553 tỷ đồng.

- b. Nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là 3.908,008 tỷ đồng.

4.2. Tổng các nguồn vốn các năm trước chuyển sang năm 2024 do Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch là 4.134,026 tỷ đồng.

4.3. Tổng các nguồn vốn các năm trước chuyển sang năm 2024 do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã giao chỉ tiêu kế hoạch là 284,344 tỷ đồng

C. NỘI DUNG GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

I. Căn cứ, nguyên tắc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025

1. Căn cứ

- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

- Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

- Căn cứ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua;

- Căn cứ Văn bản số 8222/BKHĐT-TH ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025;

- Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công 10 tháng đầu năm 2024 và dự kiến cả năm 2024 và nội dung đăng ký kế hoạch 2025 của các Sở ngành, địa phương và các đơn vị chủ đầu tư trong tỉnh;

2. Nguyên tắc chung

- Cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch được phê duyệt.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hằng năm theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công; Đảm bảo thời gian bố trí vốn thực hiện dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư đã được dự kiến cho dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2024 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân các năm 2021, 2022, 2023 và số vốn bố trí năm 2024 (bao gồm cả số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2024).

- Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân trong năm 2025, bảo đảm có thể phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

- Chỉ thực hiện bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã hoàn thành thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định.

- Năm 2025 là năm cuối của kỳ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025, do vậy, trong năm 2025, các địa phương cấp huyện cần ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước cho các dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch trung hạn; bố trí vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới trong thời gian tiếp theo.

3. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn như sau

a) Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương: theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 8222/BKHĐT-TH ngày 08 tháng 10 năm 2024.

b) Vốn ngân sách tỉnh và nguồn vốn ngân sách cấp huyện giao chỉ tiêu kế hoạch: việc bố trí vốn năm 2025 phải đảm bảo nguyên tắc chung nêu trên và thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu còn).

- Bố trí đủ vốn hoàn trả cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bố trí đủ vốn cho 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025 nhưng vẫn chưa được bố trí đủ vốn, các dự án hoàn thành trong năm 2025, vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tham gia vào các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cấp bù lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Bố trí đủ vốn theo tiến độ cho các dự án đường cao tốc, dự án trọng điểm, các dự án đường liên vùng của địa phương.

- Bố trí vốn theo tiến độ được phê duyệt cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư. Trường hợp chưa kịp hoàn thiện thủ tục đầu tư tại thời điểm lập kế hoạch thì trong báo cáo lập kế hoạch, các chủ đầu tư, địa phương cấp huyện phải cam kết hoàn thiện quyết định đầu tư của các dự án trước khi giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2025 (trước ngày 31 tháng 12 năm 2024).

- Đối với nguồn khai thác quỹ đất: Ủy ban nhân dân cấp huyện dự kiến nguồn thu của huyện trong năm 2025 và nguồn chi để thực hiện đầu tư, trong đó nguồn thu để lại cho cấp huyện để thực hiện đầu tư là 60% nguồn thu (riêng nguồn thu từ các dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

4. Nguồn vốn cân đối chi đầu tư công năm 2025 tổng số là 15.334,392 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách địa phương:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung là 4.518,410 tỷ đồng.

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 2.050 tỷ đồng.

- Nguồn vốn khai thác quỹ đất là 3.450 tỷ đồng.

- Nguồn Bội chi ngân sách địa phương là 2.000 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn ngân sách trung ương là 3.315,982 tỷ đồng.

5. Nội dung phân bổ kế hoạch năm 2025

5.1. Nguồn vốn ngân sách tập trung là 4.518,41 tỷ đồng, trong đó:

- a) Do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là 2.461,69 tỷ đồng.
- b) Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện là 191,42 tỷ đồng.
- c) Phân cấp cho cấp huyện trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là 1.865,3 tỷ đồng.

5.2. Nguồn vốn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết là 2.050 tỷ đồng, trong đó:

- a) Do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là 1.308 tỷ đồng.
- b) Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện là 108 tỷ đồng.
- c) Phân cấp cho cấp huyện trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là 634 tỷ đồng.

5.3. Nguồn vốn khai thác quỹ đất là 3.450 tỷ đồng, trong đó:

- Hình thành nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh (kể cả chi đầu tư phát triển khác; hỗ trợ bổ sung cho huyện Tân Phú, Định Quán thanh toán các dự án đạt tiêu chí nông thôn mới) là 626,52 tỷ đồng.

- Hình thành nguồn thu tại ngân sách tỉnh 1.883,7 tỷ đồng (Thực hiện phân bổ các dự án để triển khai bồi thường giải phóng mặt bằng của tỉnh tùy theo tình hình đấu giá đất thực tế trong năm 2025).

- Phần 60% còn lại là 939,78 tỷ đồng phân cấp đối với cấp huyện.

5.4. Nguồn Bội chi ngân sách địa phương là 2.000 tỷ đồng: thực hiện phân bổ các dự án trọng điểm của tỉnh.

5.5. Nguồn vốn ngân sách trung ương là 3.315,982 tỷ đồng

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương như sau:

a) Dự án quan trọng quốc gia

- Dự án khởi công mới năm 2025 (02 dự án)

+ Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh, kế hoạch năm 2025 là 355,219 tỷ đồng.

+ Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1, kế hoạch năm 2025 là 428,573 tỷ đồng.

b) Đầu tư dự án kết nối, có tác động liên vùng

- Dự án khởi công mới năm 2025 (01 dự án)

+ Dự án Đường liên cảng huyện Nhơn Trạch (giai đoạn 1), kế hoạch năm 2025 là 663,764 tỷ đồng.

+ Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường Liên cảng (giai đoạn 1), kế hoạch năm 2025 là 800 tỷ đồng

c) Hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương theo tiêu chí, định mức

c.1) Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025 (01 dự án)

- Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai bảo vệ thành phố Biên Hoà (đoạn 2 từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía cù lao phổ), kế hoạch năm 2025 là 103,875 tỷ đồng.

c.1) Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025 (02 dự án)

- Dự án xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hoà – đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu), kế hoạch năm 2025 là 628,45 tỷ đồng.

- Dự án đường vành đai 1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, kế hoạch năm 2023 là 335,921 tỷ đồng.

5.6. Danh mục dự án trọng điểm của tỉnh năm 2025, gồm 12 dự án:

- Dự án Đường liên cảng huyện Nhơn Trạch (giai đoạn 1): dự án khởi công mới.

- Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường Liên cảng (giai đoạn 1): dự án khởi công mới.

- Dự án thành phần 3: Đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh (đoạn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai) (dự án chuyển tiếp).

- Dự án thành 1 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1 (dự án chuyển tiếp).

- Dự án thành 2 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1: thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (dự án chuyển tiếp).

- Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hoà (từ cầu Hoá An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu), (dự án chuyển tiếp).

- Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hoà (từ cầu Hoá An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu), (dự án chuyển tiếp).

- Dự án xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hoà – đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu), (dự án chuyển tiếp).

- Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hoà - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu) - (dự án chuyển tiếp).

- Dự án đường ven Sông Cái (đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản), thành phố Biên Hoà - (dự án chuyển tiếp).

- Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hoà (dự án chuyển tiếp).

- Dự án Đường Vành đai 1 thành phố Long Khánh, (dự án chuyển tiếp).

6. Giải pháp thực hiện Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2025

Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất các giải pháp để triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2025, bao gồm 2 nhóm giải pháp chính như sau:

6.1. Nhóm giải pháp về huy động các nguồn lực ngoài ngân sách tham gia phát triển kết cấu hạ tầng:

- Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư để triển khai đầu tư phát triển, trong đó, tập trung thực hiện khai thác quỹ đất đối với dự án có khả năng khai thác từ quỹ đất hình thành sau khi xây dựng hoàn thành dự án để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định; Chủ động xây dựng kế hoạch đấu giá đất năm 2025 ngay từ đầu năm, đồng thời sớm giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện để sớm thực hiện việc đấu giá các khu đất đã được dự kiến trong giai đoạn 2021-2025, đồng thời tập trung xây dựng kế hoạch đấu giá đất trong giai đoạn 2026-2030 làm cơ sở sớm triển khai thực hiện; Theo dõi, quản lý các nguồn thu từ ngân sách, nguồn thu để lại cho chi đầu tư theo quy định; huy động các nguồn vốn đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư và xây dựng cơ chế, chính sách để vận động tổ chức, cá nhân tham gia các dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn; bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn lực; bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định

- Tập trung việc thẩm định và phê duyệt, điều chỉnh hồ sơ dự án, các quy hoạch có liên quan đối với các dự án đã có nhà đầu tư đề xuất lập hồ sơ triển khai theo hình thức đối tác công tư.

- Các địa phương tích cực khai thác quỹ đất để tạo nguồn đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Thực hiện các biện pháp tăng thu để bổ sung nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng; trong đó tập trung từ các nguồn thu để lại cho chi đầu tư, quản lý nguồn thu và khai thác các hình thức kinh doanh điện tử có tính chất thuộc nguồn xổ số kiến thiết.

- Huy động thêm nguồn vốn khác (tạm ứng) để bổ sung vốn cho các dự án cấp thiết, dự án cần sớm triển khai, trong đó tập trung xử lý tạm ứng các dự án đã dự kiến bố trí từ nguồn đấu giá đất (để thực hiện bồi thường) nhưng tại thời điểm thực hiện chưa có nguồn đấu giá.

- Quản lý, theo dõi chặt chẽ các nguồn thu từ ngân sách nhà nước để chi đầu tư phát triển, đặc biệt là nguồn khai thác đấu giá đất; đảm bảo kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của ngân sách địa phương, bảo đảm không tăng mức bội chi ngân sách địa phương hằng năm theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội

6.2. Nhóm các giải pháp về nâng cao công tác quản lý và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công:

- Tăng cường tổ chức thực hiện Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan; rà soát hoàn thiện các cơ chế chính sách, quy định pháp luật về đầu tư công, đất đai, đầu tư, xây dựng, đấu thầu... nhằm đảm bảo quản lý thống nhất, hiệu quả và phát huy tính chủ động, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành. Kiên quyết siết chặt kỷ luật, kỷ cương và tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, phòng, chống

tham nhũng, lợi ích nhóm. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án đầu tư công, trong đó nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư dự án; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với thực tế, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư công. Kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tiến độ thực hiện, thời gian bố trí vốn, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn của từng dự án đầu tư công theo đúng chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định và quy định pháp luật có liên quan.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động trong điều hành kế hoạch đầu tư công; rà soát, bố trí vốn cho các dự án đảm bảo thời gian bố trí vốn theo quy định và hoàn thành theo tiến độ đã đề ra để đảm bảo hiệu quả, mục tiêu của các dự án đầu tư công; giao kế hoạch và giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu; hạn chế việc không tổ chức thực hiện hoặc điều chuyển vốn giữa các dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Tập trung công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng của các dự án triển khai năm 2025 để đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án. Trong đó, địa phương cấp huyện cần khẩn trương rà soát nhu cầu, quy hoạch và huy động, bố trí các nguồn vốn triển khai xây dựng các khu tái định cư trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế.

- Việc phê duyệt quyết định dự toán bồi thường để thực hiện chi trả cho người dân là phải căn cứ trên nguồn vốn dự kiến có thể cân đối, hạn chế việc phê duyệt dự toán nhưng chưa có nguồn để chi trả, đồng thời tổ chức đánh giá năng lực đội ngũ làm công tác bồi thường nhất là tính phối hợp giữa các đơn vị làm công tác xây dựng cơ bản, bồi thường.

- Chỉ đạo các địa phương tập trung trong công tác bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2025 đảm bảo theo các quy tắc phân bổ nêu trên, hạn chế xảy ra nợ đọng vốn đầu tư; đồng thời khẩn trương triển khai thực hiện dự án sau khi nhận được thông báo chi tiết kế hoạch đầu tư vốn năm 2025. Trong khi nguồn vốn ngân sách có hạn, việc bố trí kế hoạch phải tập trung cho các dự án thực sự cấp thiết, phát huy hiệu quả cao. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có bổ sung thêm vốn đầu tư công, phải tập trung bố trí các dự án hoàn thành trong năm, các dự án thật sự cấp thiết, giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực và chương trình.

- Các đơn vị chủ đầu tư và Ủy ban nhân dân các địa phương nghiêm túc thực hiện triển khai dự án theo mức vốn kế hoạch đã được giao; các chủ đầu tư căn cứ kế hoạch đã giao từ đầu năm tập trung triển khai trong công tác khảo sát thiết kế, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình và thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân và hoàn thành kế hoạch được giao. Chủ động có giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc đền bù, giải phóng

mặt bằng, đấu thầu..., đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, dự án và làm hồ sơ giải ngân kịp thời, thực hiện tốt công tác thanh, quyết toán công trình.

- Chỉ đạo các Sở ngành và các đơn vị chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án chuyển tiếp, khởi công mới, đặc biệt là các dự án trọng điểm và cấp thiết.

- Tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch năm 2025. Thành lập Tổ công tác nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc và đôn đốc tiến độ giải ngân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra trong công tác đấu thầu, công tác giám định chất lượng công trình, công tác giám sát đầu tư cộng đồng để góp phần chống thất thoát lãng phí trong đầu tư từ ngân sách. Rà soát tiến độ thực hiện hợp đồng đối với những nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện chậm tiến độ, các tổ chức tư vấn lập hồ sơ thiết kế không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với thực tế để phải xử lý trong quá trình thi công, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án để có hình thức xử lý theo hợp đồng.

- Thực hiện công khai kết quả giải ngân của từng địa phương và đơn vị chủ đầu tư, xem kết quả giải ngân dự án đầu tư công là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 của tổ chức, cá nhân được phân công theo dõi và người đứng đầu các cấp chính quyền.

- Có chế tài xử lý nghiêm khắc cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, tri thức, gây những nhiễu, tiêu cực, kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công.

D. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

I. Mục đích

Xây dựng nội dung điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024, giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2025 và các giải pháp triển khai trong năm 2025.

II. Quan điểm chỉ đạo

- Tổng hợp tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2024, tiến độ giải ngân các nguồn vốn, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 2024.

- Tổng hợp nội dung giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 và các giải pháp để triển khai hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2025.

E. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Đồng Nai và các đơn vị chủ đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp huyện để rà soát tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư của các địa phương và các đơn vị chủ đầu tư.

Trên cơ sở nội dung tổng hợp kết quả nêu trên; ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư dự thảo nội dung Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ trì mời các sở ngành địa phương và một số chủ đầu tư các dự án lớn để họp thông qua nội dung dự thảo.

Theo nội dung kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh nội dung trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký văn bản báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

G. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết gồm 3 điều về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024, nội dung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2025 và tổ chức thực hiện.

- Thống nhất nội dung điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

- Thống nhất nội dung phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025.

- Tổ chức thực hiện.

(đính kèm các phụ lục I, I.1, I.2, I.3, I.4, I.5, I.6, I.7, I.8, I.9, I.10 và các phụ lục II, II.1, II.2, II.3, II.4, II.5)

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 và kế hoạch đầu tư công năm 2025.

Trên đây là nội dung Tờ trình về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 và kế hoạch đầu tư công năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng Nhân dân tỉnh xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Chánh, Phó Chánh văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Tấn Đức

Phụ lục I
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Tờ trình số **199** /TT-UBND ngày **04** tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024			Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh			
		Tổng số	Nguồn vốn NST	Nguồn vốn NSH	Điều chỉnh	Tổng số	Nguồn vốn NST	Nguồn vốn NSH
	TỔNG CỘNG	20.698.931	16.506.579	4.192.352		20.693.931	16.501.579	4.192.352
	KẾ HOẠCH NĂM 2024 (A+B)							
A	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	16.280.561	12.372.553	3.908.008		16.275.561	12.367.553	3.908.008
I	Vốn ngân sách tập trung	13.771.561	9.863.553	3.908.008		13.771.561	9.863.553	3.908.008
1	Ngân sách tỉnh	4.633.237	2.626.105	2.007.132		4.633.237	2.626.105	2.007.132
a	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chi tiêu	2.756.394	2.626.105			2.756.394	2.626.105	
b	Kết dư năm 2021-2022	2.611.105	2.611.105			2.611.105	2.611.105	
c	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện từ nguồn kết dư năm 2023	15.000	15.000			15.000	15.000	
d	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa	30.289	-	30.289		30.289	-	30.289
e	Vốn huyện nộp trả từ nguồn trung ương thường thu vượt năm 2021	100.000	-	100.000		100.000	-	100.000
2	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	69.543	-	69.543		69.543	-	69.543
a	Phân cấp cho UBND cấp huyện giao chi tiêu	1.807.300		1.807.300		1.807.300		1.807.300
II	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.807.300		1.807.300		1.807.300		1.807.300
1	Hình thành nguồn vốn đầu tư từ nguồn khai thác quỹ đất (ngoài kế hoạch TW thông báo)	5.702.304	4.797.504	904.800		5.702.304	4.797.504	904.800
		2.102.304	2.102.304			2.102.304	2.102.304	
a	Phân bổ chi tiết	2.048.790	2.048.790		53.514	2.102.304	2.102.304	-
b	Dự phòng ngân sách tỉnh theo Luật Ngân sách (2% cho tổng các nguồn kết dư, thu vượt, khai thác quỹ đất)	53.514	53.514		(53.514)	0	0	-
3	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	904.800		904.800		904.800	-	904.800
4	Hình thành nguồn thu tại ngân sách tỉnh	2.092.000	2.092.000			2.092.000	2.092.000	-
5	Nguồn thu tiền sử dụng đất nộp quỹ theo NQ của HĐND tỉnh	603.200	603.200			603.200	603.200	-
III	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	3.052.750	2.056.674	996.076		3.052.750	2.056.674	996.076
1	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chi tiêu	1.001.000	1.001.000			1.001.000	1.001.000	-
2	Nguồn xổ số kiến thiết thu vượt năm 2022-2023	882.293	765.217	117.076		882.293	765.217	117.076
3	Kết dư năm 2021- 2023	300.457	290.457	10.000		300.457	290.457	10.000
4	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	692.000		692.000		692.000	-	692.000
5	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	77.000		77.000		77.000	-	77.000
6	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa	100.000	-	100.000		100.000	-	100.000
IV	Đầu tư từ nguồn Quỹ sắp xếp doanh nghiệp năm 2023	383.270	383.270			383.270	383.270	
B	Vốn ngân sách Trung ương	2.509.000	2.509.000			2.504.000	2.504.000	
I	Vốn trong nước (đầu tư theo ngành, lĩnh vực)	2.509.000	2.509.000			2.504.000	2.504.000	
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	2.509.000	2.509.000			2.504.000	2.504.000	
a	Đầu tư dự án quan trọng quốc gia	2.259.000	2.259.000		(5.000)	2.254.000	2.254.000	

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024			Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh			
		Tổng số	Nguồn vốn NST	Nguồn vốn NSH	Điều chỉnh	Tổng số	Nguồn vốn NST	Nguồn vốn NSH
b	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	5.000	5.000			5.000	5.000	0
c	Hỗ trợ có mục tiêu	245.000	245.000			245.000	245.000	0
	KẾ HOẠCH NĂM 2023 KÉO DÀI SANG NĂM 2024 (I+II+III)	4.418.370	4.134.026	284.344		4.418.370	4.134.026	284.344
I	Vốn ngân sách Trung ương	3.203.022	3.203.022			3.203.022	3.203.022	
1	Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2023	2.510.372	2.510.372			2.510.372	2.510.372	0
2	Vốn chương trình phúc hồi và phát triển kinh tế - xã hội	692.650	692.650			692.650	692.650	0
III	Vốn tỉnh kéo dài	931.005	931.005			931.005	931.005	0
1	Nguồn ngân sách tập trung	545.458	545.458			545.458	545.458	0
2	Nguồn thu sử dụng đất	64.345	64.345			64.345	64.345	0
3	Nguồn vốn kết dư năm 2022 ngân sách tập trung	5.186	5.186			5.186	5.186	0
4	Nguồn Xổ số kiến thiết	316.016	316.016			316.016	316.016	0
III	Vốn huyện kéo dài	269.504		269.504		269.504		269.504
IV	Vốn xã kéo dài	14.840		14.840		14.840		14.840

Phụ lục I.1

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG, NGUỒN ĐẦU GIÁ ĐẤT, NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ XỔ SỔ KIẾN THIẾT DIỆU CHÍNH

(Kèm theo Tờ trình số 199 /TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021- 2022	Kết dư XSKT 2021- 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng số				4.868.176	2.611.105	2.048.790	15.000	193.281	
A	Thực hiện dự án									-
I	Giao thông									-
I.1	Dự án chuyển tiếp									-
1	Nâng cấp hạ tầng khu hành chính huyện Long Thành (5 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng)	LT	Đến 2024	314.732	14.990	14.990				UBND huyện Long Thành
2	Dự án đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú	TP	Đến 2024	155.808	38.823		25.000		13.823	UBND huyện Tân Phú
3	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XL-ĐQ	Đến 2024	821.892						-
	Trong đó									-
a	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện				58.000		58.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
b	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện				26.102		26.102			UBND huyện Xuân Lộc
c	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán thực hiện				59.220		59.220			UBND huyện Định Quán
4	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	tới đa 5 năm	782.991						-

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021-2022	Kết dư XSKT 2021-2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Trong đó:									-
a	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện				29.986	7.262	22.724			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
b	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố thực hiện				7.000		7.000			UBND thành phố Biên Hòa
5	Xây dựng cầu Vàm Cai Sứt trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	tối đa 5 năm	387.019	10.049		10.049			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
6	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	tối đa 5 năm	1.340.000	50.000		50.000			UBND thành phố Biên Hòa
7	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ Nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi, thành phố Long Khánh	LK	2021-2024	96.497	2.500	2.500				UBND thành phố Long Khánh
8	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	110.280	10.000	10.000				UBND huyện Trảng Bom
9	Dự án đường ven Sông Cai từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 6 năm	573.905	70.000		70.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
10	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đăng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	tối đa 6 năm	1.506.539	216.501	50.637	165.864			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
11	Dự án Đường ven Sông Đồng Nai, huyện Định Quán (NST 100% xây lắp)	ĐQ	tối đa 3 năm	58.046	12.000	12.000				UBND huyện Định Quán
12	Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập, thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% chi phí xây dựng)	LK	tối đa 3 năm	77.378	1.500		1.500			UBND thành phố Long Khánh
13	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất	TN	tối đa 3 năm	59.085						-
	Trong đó:									-
a	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện (kể cả chi phí giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Thống Nhất và Cẩm Mỹ)				1.000	1.000	-			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021- 2022	Kết dư XSQT 2021- 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
b	Tiêu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện xây dựng đường Sông Nhan - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất do UBND huyện Thống Nhất làm chủ đầu tư				39.472		39.472			UBND huyện Thống Nhất
c	Tiêu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện xây dựng đường Sông Nhan - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất do UBND huyện Cẩm Mỹ làm chủ đầu tư)				4.028		4.028			UBND huyện Cẩm Mỹ
14	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp, khoảng 52,7 tỷ)	BH	đến 2024	88.609	20.000	20.000				UBND thành phố Biên Hòa
15	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25 C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhom Trách (trước đây là Đường 25C huyện Nhom Trách, đoạn còn lại)	NT	tối đa 5 năm	1.264.000	175.443	85.643	89.800			UBND huyện Nhom Trách
16	Dự án Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm	120938	22.000	6.000	16.000			UBND huyện Tân Phú
17	Đường song hành Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km0+195 đến Km1+795), huyện Thống Nhất (NST100%)	TN	tối đa 4 năm	198.936	30.000		30.000			UBND huyện Thống Nhất
18	Đường song hành Quốc lộ 1A, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km1830+820 đến Km1832+400), huyện Thống Nhất	TN	tối đa 4 năm	183.000	30.000	16.000	14.000			UBND huyện Thống Nhất
19	Đường áp 4 xã Sông Nhan đi xã lộ 25, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	41.963	17.000	17.000				UBND huyện Cẩm Mỹ
20	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngõ Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 4 năm	113.620	48.500		34.500		14.000	UBND thành phố Long Khánh
21	Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 3 năm	70.304	30.000	30.000				UBND thành phố Long Khánh
22	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nhom Trách đến đường Quách Thị Trang), huyện Nhom Trách (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	639.039	150.000	150.000	-			UBND huyện Nhom Trách

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021-2022	Kết dư XSCT 2021-2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
23	Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương - đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (Km5+000 đến Km27+400), huyện Nhon Trạch (NST100%, không có bồi thường)	NT	tối đa 4 năm	157.732	16.000	10.000	6.000			UBND huyện Nhon Trạch
24	Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh (NST100%)	CM-LK	tối đa 4 năm	462.174						-
	trong đó									
a	Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh				50.000		50.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
b	Tiêu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện đường Xuân Quế đi Long Khánh, đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ			53.052	53.052		53.052			UBND huyện Cẩm Mỹ
c	Tiêu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện đường Xuân Quế đi Long Khánh, đoạn qua địa bàn thành phố Long Khánh			47.214	26.574		26.574			UBND thành phố Long Khánh
25	Mở rộng đường Lê Duẩn (NST hỗ trợ 50% chi phí xây lắp)	LT	tối đa 4 năm	1.025.644	30.000	30.000				UBND huyện Long Thành
26	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (NST 50% TMDT)	XL	tối đa 4 năm	172.349	1.500	1.500	-			UBND huyện Xuân Lộc
27	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), NST100%	XL	tối đa 4 năm	116.110	29.470	8.520	20.950			UBND huyện Xuân Lộc
28	Đường Xuân Thành Trang Tảo (NST 50% TMDT)	XL	tối đa 4 năm	113.353	30	30				UBND huyện Xuân Lộc
29	Dự án Chống ngập đường Đồng Khởi (đoạn từ cầu Đồng Khởi Km3+375 đến ngã 3 Thiệt Giáp Km4+750), thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	30.962	8.400	7.000	1.400			UBND thành phố Biên Hòa
30	Dự án tuyến đường kết nối vào Cảng Phước An (đoạn từ nút giao với tuyến đường 319 đến nút giao với tuyến cao tốc Bến Lức - Long Thành), huyện Nhon Trạch	NT	tối đa 4 năm	355.998	50.000		50.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
31	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh (vốn tính đối ứng khoảng 50% đoạn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15/4/2022)	NT	2023-2026							-
	Trong đó									
a	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai	NT		2.583.995	4.918		4.918			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021- 2022	Kết dư XSQT 2021- 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông Cai đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	3.247.000	10.000	10.000				UBND thành phố Biên Hòa
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đăng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	tối đa 5 năm	1.146.000	-		-			Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
2	Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh	LK	tối đa 4 năm	939.479	229.000	179.000	50.000			UBND thành phố Long Khánh
3	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1), huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch	LT-NT	2022-2025	647.061	30.000		30.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
4	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 4 năm	816.331	7.000	1.500	5.500			UBND huyện Nhơn Trạch
5	Đường Vành đai thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 4 năm	238.884	50.000	50.000				UBND huyện Định Quán
6	Nâng cấp mở rộng Đường Hương lộ 15, huyện Vĩnh Cửu	VC	2022-2025	538.998	100.000		100.000			UBND huyện Vĩnh Cửu
7	Dự án đường Quang Trung và đường Lê Đại Hành đầu nối ra đường ĐT.768 nối dài và đường ĐT.762, huyện Vĩnh Cửu (02 khu đất khoảng 33,6ha trên địa bàn huyện)	VC	tối đa 4 năm	315.011	2.500		2.500			UBND huyện Vĩnh Cửu
8	Mở rộng mặt đường, bố trí làn xe chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm bến xe Long Khánh và điểm công viên tương dài), thành phố Long Khánh (ngân sách thành phố Long Khánh thực hiện bồi thường)	LK	tối đa 4 năm	212.400	2.000	2.000				UBND thành phố Long Khánh
9	Dự án Đường tránh ngã tư Dầu Giây, huyện Thống Nhất (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	tối đa 5 năm	99.244	10.000	10.000				UBND huyện Thống Nhất
10	Đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 4 năm	189.220	10.000	10.000				UBND huyện Cẩm Mỹ
11	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú (NST 50%)	XL	tối đa 4 năm	359.627	20.000		20.000			UBND huyện Xuân Lộc
12	Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú (NST100%)	TP	tối đa 4 năm	129.943	30.000	30.000				UBND huyện Tân Phú
13	Đường Bùi Thị Xuân, huyện Long Thành (NST 100%)	LT	tối đa 4 năm	297.414	60.753		60.753			UBND huyện Long Thành
14	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT. 774B (Tà Lài - Trà Cỏ) (NST100%)	TP-ĐQ	tối đa 4 năm	852.060	8.000		8.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	Trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021- 2022	Kết dư XSKT 2021- 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
16	Dự án Khu tái định cư tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	Tối đa 04 năm	717.500	6.004		6.004			Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh
17	Đường Trảng Bom - Cây Gáo (đoạn từ ngã tư Tân Lập đến giáp hồ Trị An), huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	tối đa 4 năm	160.090	1.000		1.000			UBND huyện Trảng Bom
18	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đường Liên Càng, huyện Nhon Trach (giai đoạn 1)	NT	2024-2026	1.176.048	1.100		1.100			UBND huyện Nhon Trach
19	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhon Trach ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhon Trach (NST100%)	NT	2024-2026	1.176.048	37.781		37.781			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội									-
II.1	Dự án chuyển tiếp									-
1	Dự án xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện: Tân Phú, Đình Quán, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc (vốn NST hỗ trợ 44 tỷ đồng)	TP, ĐQ, VC, XL	tối đa 4 năm	77.243	15.000	15.000				Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai
2	Dự án Xây dựng mới Nhà khách Tỉnh ủy Đồng Nai	BH	2022-2024	35.977	15.000	15.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
II.2	Dự án khởi công mới									
1	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	17.850	2.000	2.000				Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Xây dựng mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Tân Phú (Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% dự toán xây dựng tối đa 20 tỷ đồng)	TP	Tối đa 3 năm	38.300	5.000		5.000			Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai
3	Xây dựng mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu (Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% dự toán xây dựng tối đa 20 tỷ đồng)	VC	Tối đa 3 năm	37.800	5.000		5.000			Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai
III	Công trình công cộng tại các đô thị									-
III.1	Dự án chuyển tiếp									-
1	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	VC	Đến 2024	181.919	16.400	16.400				UBND huyện Vĩnh Cửu

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021- 2022	Kết dư XS KT 2021- 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
IV	Cấp nước, thoát nước									-
IV.1	Dự án chuyển tiếp									-
1	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	BH	tối đa 4 năm	267.620						-
	Trong đó:									-
a	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án lâm chủ đầu tư				4.819	4.819				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện			210.025	2.500	2.500				UBND thành phố Biên Hòa
2	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT	Đến 2024	584.830	5.966	5.966				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTGPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	theo tiến độ Hiệp định	6.610.252	20.487	10.372	10.115			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	88.822	20.000	20.000				UBND huyện Trảng Bom
IV.2	Lập thiết kế bản vẽ thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng									
1	Trạm bơm áp 5 xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	41.923	9.000	9.000				UBND huyện Tân Phú
2	Dự án xây dựng tuyến thoát nước mưa từ khu dân cư Kim Oanh qua khu tái định cư Bình Sơn ra suối Ông Trử tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (NST 50%, phần còn lại do Công ty CPĐTPT Thuận Lợi 50%)	LT	tối đa 4 năm	78.415	5.000		5.000			UBND huyện Long Thành
3	Dự án Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ ra Suối Cà, huyện Cẩm Mỹ	CM	2023-2026	102.963	1.000		1.000			UBND huyện Cẩm Mỹ
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									-
V.1	Dự án chuyển tiếp									
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mìa Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách TW hỗ trợ 105 tỷ)	ĐQ	Đến 2024	253.000	30.000	20.890	9.110			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021- 2022	Kết dư XSCT 2021- 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	Đến 2024	454.601	18.000	18.000				UBND huyện Định Quán
3	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa-dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA	BH	Đến 2024	373.172						-
	Trong đó:									-
a	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa				4.664	4.664				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				6.000	6.000				UBND thành phố Biên Hòa
4	Nạo vét Rạch mọi xã Bình Hoà	VC	Đến 2024	69.323	900		900			UBND huyện Vĩnh Cửu
5	Dự án chống ngập ứng khu vực Suối Cài (Ngân sách thành phố Long Khánh chi bồi thường)	LK	tối đa 4 năm	544.493	5.500	5.500	-			UBND thành phố Long Khánh
6	Trạm bơm Đắc Lua	TP	2020-2024	159.086	45.000	6.000	39.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
7	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm	134.445	40.000	30.000	10.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
8	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Sông Máy, huyện Trảng Borm	TB	tối đa 3 năm	59.738	30.000	20.000	10.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
9	Dự án Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhom Trạch (ngân sách huyện Nhom Trạch thực hiện bồi thường)	NT	tối đa 4 năm	207.315	40.000	8.200	31.800			UBND huyện Nhom Trạch
10	Dự án Kê chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù Lao phồ), thành phố Biên Hòa	LT-NT	tối đa 4 năm	350.788	5.000		5.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
11	Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Trạm xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến cầu An Hảo phường An Bình thành phố Biên Hòa (bao gồm hoàn trả vốn ứng trước)	BH	tối đa 4 năm	201.528	26.753	7.106	19.647			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021- 2022	Kết dư XSKT 2021- 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
12	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	50.554	5.500		5.500			UBND huyện Thống Nhất
V.2	Lập thiết kế bản vẽ thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng									
1	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cai Cầu (suối Xiệp) đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước thi trấn Dĩ An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp tỉnh Bình Dương (chuyển chủ đầu tư từ UBND thành phố Biên Hoà sang Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh)	BH	tối đa 3 năm	163.110	48.110		48.110			Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
2	Nạo vét Suối Sắn Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH	tối đa 4 năm	376.999	121		121			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án Hệ thống thoát nước chống ngập úng xung quanh Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Long Thành	LT	tối đa 4 năm	92.987	7.000	7.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Dự án Kè giữa cỏ bờ sông Đồng Nai, đoạn qua khu vực xã Tân An và Thiện Tân (khu vực chưa Phò Đà và đê phòng công Tân An), huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 4 năm	144.632	5.000	5.000				UBND huyện Vĩnh Cửu
V.3	Dự án khởi công mới									
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Li, huyện Xuân Lộc (bao gồm hoàn trả vốn ứng trước)	XL	2022-2025	89.774	10.000	10.000				Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
VI	An ninh và trật tự, an toàn xã hội									-
VI.1	Dự án chuyển tiếp									-
1	Dự án Trung tâm chi huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	Đến 2024	654.000	165.000	110.000	55.000			Công an tỉnh Đồng Nai
2	Nhà tạm giữ công an huyện Xuân Lộc (NST100%)	XL	tối đa 3 năm	36.000	20.000	2.300	17.700			Công an tỉnh Đồng Nai
3	Xây dựng 05 kho vật chứng cho Công an tỉnh Đồng Nai (gồm các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thành phố Long Khánh và Phòng PC10)	ĐN	tối đa 3 năm	29.416	12.000	12.000				Công an tỉnh Đồng Nai
4	Dự án đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021-2025	ĐN	tối đa 5 năm	988.000	150.000		150.000			Công an tỉnh Đồng Nai
5	Xây dựng Đồn Công an cảng hàng không quốc tế Long Thành	LT	Tối đa 3 năm	44.900	10.000	3.000	7.000			Công an tỉnh Đồng Nai

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021- 2022	Kết dư XSKT 2021- 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Xây dựng cơ sở làm việc của lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy thuộc Công an tỉnh	LT	Tối đa 3 năm	59.375	10.000		10.000			Công an tỉnh Đồng Nai
VII	Quốc phòng									-
VII.1	Dự án chuyển tiếp									
1	Dự án Xây dựng bổ sung một số công trình của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 4 năm	221.102	50.000	10.617	39.383			Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
2	Dự án Quốc phòng ĐA2			123.076	10.885	10.885				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
	Dự án khởi công mới									
1	Dự án V1 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)			536.700	65.626		65.626			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
VIII	Môi trường									-
VIII.1	Dự án chuyển tiếp									-
1	Dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ Đình Phước Lưu đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát)	BH	đến 2024	109.172	38.499	13.489	25.010			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án Gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TP	tối đa 3 năm	62677	10.000	10.000				Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
VIII.2	Lập thiết kế bản vẽ thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng									
1	Dự án nạo vét và kè 2 bờ suối Reo (kênh thoát nước 5 xã Kiềm Tân), huyện Thống Nhất	TN	tối đa 4 năm	299.852	50.000		50.000			UBND huyện Thống Nhất
IX	Y tế									
IX.1	Dự án khởi công mới									
1	Dự án Nâng cấp và cải tạo Trạm y tế xã Phú Cường huyện Đình Quán	ĐQ		6.055	3.000		3.000			UBND huyện Đình Quán
2	Dự án Nâng cấp và cải tạo Trạm y tế thị trấn Đình Quán huyện Đình Quán	ĐQ		6.042	3.000		3.000			UBND huyện Đình Quán
3	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Bắc huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	10.730	100		100			UBND huyện Xuân Lộc
4	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Đình huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	13.050	2.500		2.500			UBND huyện Xuân Lộc

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021- 2022	Kết dư XSKT 2021- 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Hiệp huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	12.440	2.000		2.000			UBND huyện Xuân Lộc
6	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bảo Hòa huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	12.060	100		100			UBND huyện Xuân Lộc
7	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Gia Ray huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	7.863	2.000		2.000			UBND huyện Xuân Lộc
8	Dự án Xây dựng Trạm Y tế xã Lộ 25, huyện Thống Nhất	TN	tối đa 3 năm	8.582	2.100		2.100			UBND huyện Thống Nhất
X	Công nghệ thông tin (chuyển đổi số)									
X.1	Dự án khởi công mới									
1	Dự án Xây dựng phần mềm quản lý đầu tư công và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	BH	tối đa 3 năm	17.446	4.500		4.500			Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Dự án Xây dựng Trung tâm điều hành tác chiến quản lý an ninh trật tự (kể cả bỏ trí hoàn vốn ứng trước)	ĐN	Tối đa 04 năm	796.332	5.074		5.074			Công an tỉnh Đồng Nai
XI	Văn hóa - xã hội									
	Dự án khởi công mới									
1	Dự án trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, camera, sản xuất chương trình cho 02 studio truyền hình (Studio 3 và 4) (ngân sách tính 20 tỷ đồng)	BH	tối đa 3 năm	25.443	5.000		5.000			Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai
XII	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									
	Dự án khởi công mới									
1	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư; kể cả bỏ trí hoàn vốn ứng trước)	BH	Tối đa 3 năm	42.802	6.583		6.583			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
XIII	Bổ trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch (kể cả các dự án thuộc giai đoạn 2016-2020)				20.000	20.000				-
B	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư									
1	Dự án Xây dựng Trung tâm hành chính công thành phố Long Khánh	LK	tối đa 4 năm	132.000	200		200			UBND thành phố Long Khánh
2	Dự án Chính trang đô thị, kè bờ, nạo vét và kiên cố hoá Suối Rết, thành phố Long Khánh (Ngân sách thành phố Long Khánh khoảng 15 tỷ xây dựng đường nội bộ)	LK	tối đa 4 năm	488.722	500		500			UBND thành phố Long Khánh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021- 2022	Kết dư XSKT 2021- 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	tối đa 5 năm	151.440	500	500				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Dự án xây dựng tương đài Thanh niên xung phong tại Công viên văn hóa Sông Ray	CM	tối đa 3 năm	19.840	247		247			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 4 năm	1.858.000	1.000		1.000			UBND thành phố Long Khánh
6	Đầu tư xây dựng đường 25C Đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liên Cảng (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	875.780	2.000	2.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
7	Đường Trảng Bom - Thanh Bình, huyện Trảng Bom, NST 100%	TB	2022-2025	1.039.494	1.000		1.000			UBND huyện Trảng Bom
8	Xây dựng hầm chui qua cầu Hố An để nối đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 4 năm	310.000	300	300				UBND thành phố Biên Hòa
9	Đường Phước Bình-Bàu Cạn-Cẩm Đường (NST 100%)	LT	tối đa 4 năm	620.860	400		400			UBND huyện Long Thành
10	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Sông Thao - Bàu Hàm, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	tối đa 4 năm	213.050	180		180			UBND huyện Trảng Bom
11	Dự án Đường Lò Gạch - cầu Nước Trong (từ Quốc lộ 51 đến khu công nghiệp Long Đức) (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT	tối đa 4 năm	753246	300		300			UBND huyện Long Thành
12	Dự án xây dựng, cải tạo một số tuyến đường đảm bảo tổ chức giao thông tại vị trí giao cắt giữa đường ven sông Cai với đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh	BH	2023-2026	187.507	300		300			UBND thành phố Biên Hòa
13	Dự án nâng cấp mở rộng đường Ngô Quyền, thành phố Long Khánh (02 khu đất khoảng 42ha trên đường Ngô Quyền, thành phố Long Khánh)	LK	tối đa 4 năm	462.931	500		500			UBND thành phố Long Khánh
14	Dự án Đường Vũ Hồng Phô (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường ĐT.769), thị trấn Long Thành, huyện Long Thành (02 khu đất khoảng 23,5ha trên địa bàn huyện)	LT	tối đa 4 năm	376.393	300		300			UBND huyện Long Thành
15	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành (đề án)	CM-XL-LT	tối đa 6 năm	4.311.410	1.920		1.920			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
16	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 (đề án)	TN-LT	tối đa 6 năm	6.256.300	3.800		3.800			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021- 2022	Kết dư XSKT 2021- 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
17	Dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh (đề án)	ĐQ-TN-CM-LT-LK	tối đa 6 năm	8.043.000	3.900		3.900			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
18	Dự án Mở rộng đường Lý Thái Tổ, huyện Định Quán (ngân sách tỉnh 50%)	ĐQ	tối đa 5 năm	124.000	700	700				UBND huyện Định Quán
19	Dự án chỉnh trang đô thị, xây kè bảo vệ nguồn nước đầu nguồn hồ Núi Le, huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 4 năm	287.180	1.000		1.000			UBND huyện Xuân Lộc
20	Dự án khu tái định cư tại thị trấn Dầu Giây huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 04 năm	564.052	1.600		1.600			Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh
21	Dự án Hạ tầng Khu tái định cư 49,32ha phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 06 năm	2.847.170	1.600		1.600			Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh
22	Dự án Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh	BH	Tối đa 3 năm	14.975	400		400			Sở Xây dựng
23	Dự án Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2023 - 2028	BH	Tối đa 4 năm	120.000	350		350			Sở Thông tin và Truyền thông
24	Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	20.000	209		209			Văn phòng Tỉnh ủy
25	Dự án Xây dựng các tuyến đường trong nội bộ Khu 1 - Khu đô thị thương mại dịch vụ Biên Hòa 1	BH	Tối đa 4 năm	318.138	1.000		1.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
26	Dự án Bồi thường, hỗ trợ tái định cư Hạ tầng Khu tái định cư 49,32ha phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 4 năm	2.847.170	492		492			Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh
27	Dự án Đầu tư hệ thống bộ đàm kỹ thuật số trên phạm vi toàn tỉnh)	ĐN	tối đa 3 năm	13573	100		100			Công an tỉnh Đồng Nai
28	Dự án Nâng cấp, sửa chữa cơ sở 2 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	12.660	400		400			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
29	Dự án xây dựng cầu thay phà cắt lái theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT				1.000		1.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
30	Xây dựng Trung tâm Khoa học và Công nghệ và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường - Chất lượng	BH	2022-2025	44.860	480		480			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
31	Dự án tuyển thu gom và trạm xử lý nước thải số 1, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	99.570	655	655				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	Kết dư NSTT 2021- 2022	Kết dư XS KT 2021- 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
32	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	TB	2022-2025	221.511	690	190	500			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
33	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	LT	2020-2024	107.180	360	230	130			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
34	Đường Thừa Đức đi thị xã Long Khánh	CM	tối đa 4 năm	789.562	100		100			UBND huyện Cẩm Mỹ
35	Đường Xuân Đường - Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	780.898	100		100			UBND huyện Cẩm Mỹ
36	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Thạnh huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	7.870	100		100			UBND huyện Tân Phú
37	Dự án Trùng tu, tôn tạo di tích đền thờ Quốc tổ Hùng Vương, xã Phú Sơn, huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	7.340	100		100			UBND huyện Tân Phú
38	Dự án Xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Đồng Nai	BH	tối đa 03 năm	4.460	150		150			Sở Tư pháp
39	Nâng cấp và phát triển hạ tầng Công nghệ thông tin của Ban Quản lý các Khu công nghiệp phục vụ chuyên đổi số	BH	tối đa 03 năm	4.456	75		75			Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai
40	Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai	BH	tối đa 03 năm	15.000	258		258			Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai
41	Dự án xây dựng kiên cố hóa đoạn từ lý trình Km6+692 đến lý trình Km8+592 tuyến kênh T0 và đoạn từ lý trình Km0+108 đến lý trình Km1+077 tuyến kênh T2 suối Nước Trong, huyện Long Thành	LT	tối đa 03 năm	150.000	975	675	300			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

Phụ lục I.2

**BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH
(NGUỒN ĐẤT) GIAO CHI TIẾT**

(Kèm theo Tờ trình số 199 /TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

S T T	Danh mục dự án	ĐĐXD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Đất	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số				53.514	
A	Thực hiện dự án					-
	Quốc phòng					
	Dự án khởi công mới					
1	Dự án SCH (bao gồm hoàn vốn ứng trước)			170.200	53.514	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Phụ lục 1.3

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN XỐ SÓ KIẾN THIẾT, NGUỒN KẾT DƯ XỐ SÓ KIẾN THIẾT, NGUỒN THU VƯỢT XỐ SÓ KIẾN THIẾT VÀ QUỸ SẮP XẾP
DOANH NGHIỆP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ trình số 199 /TT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Giao bố sung	Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	trong đó				Chủ đầu tư
						XSKT	Kết dư XSKT 2023	XSKT thu vượt năm 2022-2023	Quỹ sắp xếp DN			XSKT	Kết dư XSKT 2023	XSKT thu vượt năm 2022-2023	Quỹ sắp xếp DN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng số					2.256.663	1.011.000	97.176	765.217	383.270	0	2.256.663	1.011.000	97.176	765.217	383.270	
Thực hiện dự án																
Y tế, dân số và gia đình																
1																
1.1	Dự án chuyên tiếp															
1	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP	tới đa 3 năm	10.581	5.506	5.506					5.506	5.506				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Trạm Y tế phường An Hòa - Tp. Biên Hòa	BH	tới đa 3 năm	6.688	1.765	1.765					1.765	1.765				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	tới đa 5 năm	77.496	42.727	42.727					42.727	42.727				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Xây dựng mới Trạm y tế xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	CM	tới đa 3 năm	14.200	5.000	5.000					5.000	5.000				UBND huyện Cẩm Mỹ
5	Xây dựng mới Trạm y tế xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	tới đa 3 năm	13.900	5.000	5.000					5.000	5.000				UBND huyện Cẩm Mỹ
6	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ	CM	tới đa 3 năm	14.900	5.000	5.000					5.000	5.000				UBND huyện Cẩm Mỹ
7	Dự án đầu tư trang thiết bị y tế cần thiết để phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	tới đa 3 năm	14.993	2.169	2.169					2.169	2.169				Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
8	Cải tạo 04 Trạm y tế tại xã Phú Đông, xã Phú Hội, xã Phú Thạnh, xã Vĩnh Thanh huyện Nhơn Trạch	NT	tới đa 3 năm	10.900	5.710	4.000	1.710				5.710	4.000	1.710			UBND huyện Nhơn Trạch
9	Cải tạo, sửa chữa 04 Trạm y tế tại phường Xuân An, phường Xuân Khanh, phường Xuân Bình, phường Phú Bình thành phố Long Khánh	LK	tới đa 3 năm	8.822	500	500					500	500				UBND thành phố Long Khánh
10	Dự án Nâng cấp, cải tạo Phòng khám đa khoa khu vực Phú Lý và Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu (cơ sở 2) tỉnh Đồng Nai	VC	2024-2026	22.280	820	820					820	820				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
11	Cải tạo, sửa chữa 03 Trạm Y tế tại xã Phú Ngọc, xã Túc Trưng, xã Gia Canh huyện Định Quán	ĐQ	tới đa 3 năm	9.998	6.000	6.000					6.000	6.000				UBND huyện Định Quán
12	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Suối Tre thành phố Long Khánh	LK	tới đa 3 năm	7763	500	500					500	500				UBND thành phố Long Khánh
1.2	Dự án khởi công mới															
1	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Tân An huyện Vĩnh Cửu	VC	tới đa 3 năm	8.632	7.300	7.300					7.300	7.300				UBND huyện Vĩnh Cửu
2	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Vĩnh An huyện Vĩnh Cửu	VC	tới đa 3 năm	9.651	8.410	8.410					8.410	8.410				UBND huyện Vĩnh Cửu
3	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Long Tân huyện Nhơn Trạch	NT	tới đa 3 năm	8.405	4.000	4.000					4.000	4.000				UBND huyện Nhơn Trạch
4	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phước Thiện huyện Nhơn Trạch	NT	tới đa 3 năm	10.525	4.000	4.000					4.000	4.000				UBND huyện Nhơn Trạch
5	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Đường huyện Cẩm Mỹ	CM	tới đa 3 năm	8.730	2.000	2.000					2.000	2.000				UBND huyện Cẩm Mỹ
6	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Cẩm huyện Cẩm Mỹ	CM	tới đa 3 năm	10.180	2.000	2.000					2.000	2.000				UBND huyện Cẩm Mỹ
7	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Quảng Tiến huyện Trảng Bom	TB	tới đa 3 năm	7.696	3.000	3.000					3.000	3.000				UBND huyện Trảng Bom
8	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Tây Hòa huyện Trảng Bom	TB	tới đa 3 năm	8.781	3.000	3.000					3.000	3.000				UBND huyện Trảng Bom
9	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Đồng Hòa huyện Trảng Bom	TB	tới đa 3 năm	8.264	3.000	3.000					3.000	3.000				UBND huyện Trảng Bom

Đơn vị tính: Triệu đồng.

S T T	Danh mục dự án	ĐBXD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/1/2024	trong đó					Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	trong đó				Chú đầu tư
						XSKT	Kết dư XSKT 2023	XSKT thu vượt năm 2022-2023	Quy sắp xếp DN	Giao bổ sung		XSKT	Kết dư XSKT 2023	XSKT thu vượt năm 2022-2023	Quy sắp xếp DN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Dự án đầu tư xây dựng mới Hội trường biểu diễn kết hợp khối 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn - Trường Trung cấp Nghệ thuật Đồng Nai (thay thế cho dự án sửa chữa, cải tạo Ký túc xá (cũ) thành 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn, làm mới sân, đường, điện tổng thể Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Đồng Nai)	BH	tối đa 3 năm	36.360	16.000	16.000					16.000	16.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn quốc gia	TB	tối đa 4 năm	152.000	62.700	62.700					62.700	62.700				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
11.2	Dự án khởi công mới															
1	Xây dựng mới Trường THPT Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 4 năm	170.514	20.000	20.000					20.000	20.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
III																
III.1	Dự án chuyển tiếp															
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	BH	Đến 2024	103.383	14.302	14.302					14.302	14.302				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Di dời, bố trí ổn định dân cư khu vực Đồng 4, ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	149.274	83.600	18.894	64.706				83.600	18.894	64.706			UBND huyện Vĩnh Cửu
3	Sửa chữa, làm mới một số hạng mục tập luyện thuộc Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	BH	Tối đa 3 năm	14.470	8.980	-	8.980				8.980	-	8.980			Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trung tâm công tác xã hội tổng hợp Đồng Nai	BH	tối đa 4 năm	54.846	-	-				1.100	1.100	1.100				
IV																
IV.1	Dự án chuyển tiếp															
1	Dự án đầu tư Đoàn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	DQ	tối đa 5 năm	297.932	-						-					-
	Trong đó:															
a	Dự án đầu tư Đoàn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện	DQ		297.932	3.700	3.700					3.700	3.700				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Dự án nâng cấp đường Tà Lải - Trà Cỏ từ km1+600 đến km5+600 huyện Tân Phú và Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	TP+DQ	tối đa 5 năm	114.660	-						-					-
	Trong đó															
a	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lải - Trà Cỏ từ km1+600 đến km5+600 huyện Tân Phú và Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện	TP+DQ			5.000	5.000					5.000	5.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
b	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lải - Trà Cỏ từ km1+600 đến km5+600 huyện Tân Phú và Định Quán do UBND huyện Định Quán thực hiện bồi thường	DQ			-						-					UBND huyện Định Quán
3	Dự án tuyến đường kết nối vào Cảng Phước An (đoạn từ nút giao với tuyến đường 319 đến nút giao với tuyến cao tốc Bến Lức - Long Thành), huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 4 năm	345.048	150.000	100.000		50.000			150.000	100.000		50.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
4	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh (vốn tỉnh đối ứng khoảng 50% đoạn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15/4/2022)	NT			-						-					
	Trong đó															
a	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai	NT		2.583.995	29.873	29.873					29.873	29.873				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Giao bổ sung	Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	trong đó				Chủ đầu tư
						XSKT	Kết dư XSKT 2023	XSKT thu vượt năm 2022-2023	Quỹ sắp xếp DN			XSKT	Kết dư XSKT 2023	XSKT thu vượt năm 2022-2023	Quỹ sắp xếp DN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
5	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (giai đoạn 1) (đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai vốn tỉnh đối ứng khoảng 50% chi phí bồi thường, đoạn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 24/5/2022; Nghị quyết số 59/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội).	BH-LT			-						-					
	Trong đó															
b	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu giai đoạn 1 (NST 50% TMDT)	BH-LT		2.179.252	739.624	285.184		454.440			739.624	285.184	454.440			UBND huyện Long Thành
6	Dự án đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú	TP	Đến 2024	155.808	15.177		15.177				15.177		15.177			UBND huyện Tân Phú
7	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25 C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhơn Trạch (trước đây là Đường 25C huyện Nhơn Trạch, đoạn còn lại)	NT	tối đa 5 năm	1.264.000	24.557			24.557			24.557		24.557			UBND huyện Nhơn Trạch
8	Đường cấp 4 xã Sông Nhạn đi xã lộ 25, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	41.963	10.000			10.000			10.000		10.000			UBND huyện Cẩm Mỹ
9	Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú (NST100%)	TP	tối đa 4 năm	129.943	11.000			11.000			11.000		11.000			UBND huyện Tân Phú
10	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú (NST 50%)	XL	tối đa 4 năm	359.627	30.000			30.000			30.000		30.000			UBND huyện Xuân Lộc
IV.2	Lập thiết kế bản vẽ thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng															
1	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NST100%)	LT-NT	tối đa 4 năm	1.493.043	201.680	201.680					201.680	201.680				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán	DQ	tối đa 4 năm		20.000	20.000					20.000	20.000				UBND huyện Định Quán
3	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông Cai đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	3.247.000	250.000			0	250.000		250.000		0	250.000		UBND thành phố Biên Hòa
	Công nghệ thông tin (chuyển đổi số)															
	Dự án khởi công mới															
1	Dự án Xây dựng Trung tâm điều hành tác chiến quân lý an ninh trật tự (kể cả bổ trí hoàn vốn ứng trước)	DN	Tối đa 04 năm	796.332	267.000			133.730	133.270		267.000		133.730	133.270		Công an tỉnh Đồng Nai
V	Quốc phòng															
	Dự án khởi công mới															
1	Dự án VI			536.700	36.313			36.313			36.313		36.313			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Dự án SCH (bao gồm hoàn vốn ứng trước)			170.200		0				6.485	6.485	6.485				Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
VI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản															
	Dự án chuyển tiếp															
1	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020	DN	Tối đa 03 năm	29.119		0				4.000	4.000	4.000				Chi cục Kiểm lâm
VII	Bổ trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội (Kể các dự án thuộc giai đoạn 2016-2020)				19.000	19.000				(11.585)	7.415	7.415				-
B	Bổ trí chuẩn bị đầu tư															
1	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Long Giao huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm		100	100					100	100				UBND huyện Cẩm Mỹ

S T T	Danh mục dự án	ĐBXĐ	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	trong đó				Giao bổ sung	Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	trong đó				Chủ đầu tư
						XSKT	Kết dư XSKT 2023	XSKT thu vượt năm 2022-2023	Quỹ sắp xếp DN			XSKT	Kết dư XSKT 2023	XSKT thu vượt năm 2022-2023	Quỹ sắp xếp DN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Xuân Tân thành phố Long Khánh	LK	tối đa 3 năm		50	50					50	50				UBND thành phố Long Khánh
3	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Đông huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm		100	100					100	100				UBND huyện Cẩm Mỹ
4	Dự án Nhà thi đấu đa năng huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 4 năm		300	300					300	300				UBND huyện Cẩm Mỹ
5	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	14.687	230	-	230				230	-	230			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Long Thành huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	10.927	50	-	50				50	-	50			UBND huyện Long Thành
VI	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai	BH			50.000	50.000					50.000	50.000				Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phụ lục I.4

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ XỔ SỞ KIẾN THIẾT HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số 109 /TTr-UBND ngày 4 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục dự án	ĐB XD	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 14/11/2024	Trong đó			Đơn vị tính: Triệu đồng
				NSTT kết dư 2023	Kế hoạch 2024 nguồn XSKT	XSKT kết dư 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số		117.289	30.289	77.000	10.000	-
I	Ngành giáo dục		47.000	0	47.000	0	-
I.1	Dự án chuyển tiếp						-
1	Trường mầm non Sông Ray, ấp 1	CM	9.000		9.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
2	Trường mầm non Xuân Đông	CM	12.000		12.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
3	Trường mầm non Lâm Sơn	CM	26.000		26.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
II	Các lĩnh vực khác		70.289	30.289	30.000	10.000	-
II.1	Dự án chuyển tiếp						-
1	Dự án đường Gia Ty - Cao Su xã Suối Cao	XL	29.409		29.409		UBND huyện Xuân Lộc
2	Dự án Đường Đồi Đá – Bàu Trâm, xã Bảo Hòa	XL	591		591		UBND huyện Xuân Lộc
3	Dự án đường be 129 giai đoạn 2	TP	10.289	10.289			UBND huyện Tân Phú
4	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Phú Lộc	TP	20.000	20.000			UBND huyện Tân Phú
5	Đường Kỳ Lân, xã Thiện Tân	VC	10.000			10.000	UBND huyện Vĩnh Cửu

Phụ lục I.5

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN PHÂN CẤP ĐỔI VỚI UBND CẤP HUYỆN GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số **199** /TTr-UBND ngày **04** tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Phân bổ nguồn vốn đầu tư công cấp huyện năm 2024									
		Tổng số	Nguồn vốn ngân sách tập trung	Hỗ trợ có mục tiêu nguồn NSTT	Hỗ trợ XHH nguồn NSTT	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	Hỗ trợ có mục tiêu nguồn XSKT	Hỗ trợ XHH nguồn XSKT	Hỗ trợ có mục tiêu khác từ nguồn huyện nộp trả *	Hỗ trợ có mục tiêu khác từ nguồn tăng thu XSKT 2023 *	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất
1	2	3=4+...+12	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số	3.908.008	1.807.300	30.289	100.000	692.000	87.000	100.000	69.543	117.076	904.800
1	Thành phố Biên Hoà	600.867	239.257			91.610					270.000
2	Thành phố Long Khánh	270.335	149.053		10.211	57.071					54.000
3	Huyện Nhon Trach	238.273	143.665			55.008					39.600
4	Huyện Long Thành	440.898	145.875		13.041	55.854			33.898	230	192.000
5	Huyện Trảng Bom	441.627	143.665		49.458	55.008		1.851	35.645		156.000
6	Huyện Cẩm Mỹ	299.085	150.571		6.841	57.653	47.000			7.020	30.000
7	Huyện Xuân Lộc	297.391	165.879		13.999	63.513	30.000				24.000
8	Huyện Tân Phú	354.563	189.268	30.289		72.469		13.834		35.503	13.200
9	Huyện Định Quán	390.717	178.326		6.450	68.280		51.310		41.351	45.000
10	Huyện Thống Nhất	272.261	142.284			54.479		19.830		13.668	42.000
11	Huyện Vĩnh Cửu	301.991	159.457			61.055	10.000	13.175		19.304	39.000

Phụ lục I.6

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số 199 /TT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định duyệt dự án và điều chỉnh		Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến tháng 11/2024	Điều chỉnh	Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
				Số/ngày các QĐ	Tổng mức vốn đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số					2.509.000		2.504.000	
A	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác					2.264.000		2.259.000	
	Giao thông								
I	Dự án chuyển tiếp								
1	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh	NT	2023-2026	295/QĐ 24/2/2023	2.583.995	705.594		705.594	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Dự án thành phần 4: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai	NT	2023-2024	3613/QĐ 27/12/2023	1.284.000	396.159		396.159	UBND huyện Nhon Trách
3	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1 (có sự dụng vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội năm 2023)		2023-2026	233/QĐ 15/2/2023	6.012.349	1.157.247		1.157.247	
	trong đó:								
a	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1	BH-LT		233/QĐ 15/2/2023	6.012.349	439.247		439.247	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định duyệt dự án và điều chỉnh		Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến tháng 11/2024	Điều chỉnh	Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
				Số/ngày các QĐ	Tổng mức vốn đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
b	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu giai đoạn 1 (NSTW 50% TMDT), đoạn qua địa bàn huyện Long Thành	BH-LT		1306/QĐ-05/6/2023	2.179.252	718.000		718.000	UBND huyện Long Thành
II	Dự án khởi công mới								
1	Dự phòng bố trí cho dự án dự kiến hoàn thành thủ tục phê duyệt trước 31/12/2023					5.000	(5.000)	0	
B	Hỗ trợ có mục tiêu					245.000		245.000	
	Giao thông								
I	Dự án chuyển tiếp								
1	Đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	2021-2024	3533/QĐ 29/9/2020	1.289.160	40.325		40.325	UBND thành phố Biên Hòa
2	Xây dựng Kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	2021-2024	2186/QĐ 30/6/2021, 4206/QĐ 08/10/2021	614.100	88.000		88.000	UBND thành phố Biên Hòa
3	Đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh	LK	2023-2025	2321/QĐ-06/9/2022	939.480	50.000		50.000	UBND thành phố Long Khánh
4	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu), thành phố Biên Hòa	BH	2022-2025	1580/QĐ 13/5/2021; 4207/QĐ 8/10/2021	1.506.538	5.000		5.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								
I	Dự án chuyển tiếp								

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định duyệt dự án và điều chỉnh		Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến tháng 11/2024	Điều chỉnh	Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
				Số/ngày các QĐ	Tổng mức vốn đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù lao Phỏ) thành phố Biên Hòa (nguồn vốn ngân sách tỉnh cho công tác bồi thường)	BH	2022-2025	2220/QĐ 16/7/2013 4387/QĐ 18/10/2021 263/QĐ 24/01/2022, 2716/QĐ 06/10/2022	350.788	61.675		61.675	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

Phụ lục I.7
BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN CẤP SAU QUYẾT TOÁN
(Kèm theo Tờ trình số 199 /TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh tháng 7/2024	Nội dung đã giao chi tiết thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh đến 14/11/2024	Kiến nghị điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5		6
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG	20.000.000.000		20.000.000.000	20.000.000.000	-
I.1	Số vốn cấp sau quyết toán giao chi tiết	14.163.911.219	5.836.088.781	20.000.000.000	-	20.000.000.000
1	Dự án Tuyến chống ùn tắc giao thông trên Quốc lộ 1 khu vực phường Tân Hòa, huyện Trảng Bom và thành phố Biên Hòa (lần 2)	451.886.306		451.886.306		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Dự án Phát triển Lâm nghiệp của Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, giai đoạn 2016-2020	401.089.000		401.089.000		Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú
3	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 25A (ĐT769 đoạn từ bến phà Cát Lái đến ngã 3 Quốc lộ 51), huyện Nhơn Trạch - Long Thành	1.962.737.196		1.962.737.196		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
4	Dự án Sửa chữa cục bộ và đại tu tuyến đường Hương lộ 21, huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	1.657.642.000		1.657.642.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
5	Dự án Đoạn 3 đường liên huyện Vĩnh Cửu - Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	1.965.593.511		1.965.593.511		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
6	Dự án Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc UBND huyện Nhơn Trạch	2.723.580.000		2.723.580.000		UBND huyện Nhơn Trạch
7	Dự án Đoạn 3 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán	737.153.000		737.153.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
8	Dự án Đường Xuân Trường - Trảng Táo, huyện Xuân Lộc	1.573.852.000		1.573.852.000		UBND huyện Xuân Lộc
9	Dự án Nút giao thông giữa đường ĐT.765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc	729.198.206		729.198.206		UBND huyện Xuân Lộc
10	Dự án Tuyến thoát nước từ khu phố 4 đến suối Đá, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom	139.165.000		139.165.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
11	Dự án Hồ chứa nước Thoại Hương, huyện Cẩm Mỹ	1.041.364.000		1.041.364.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
12	Dự án Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân, huyện Định Quán	658.118.000		658.118.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
13	Dự án Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc, thị xã Long Khánh	122.533.000		122.533.000		Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
17	Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đầu tư cầu Hòa An mới, thành phố Biên Hòa		707.283.000	707.283.000		UBND thành phố Biên Hòa
18	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê bao Đồng Hiệp, huyện Tân Phú		248.996.000	248.996.000		UBND huyện Tân Phú
19	Dự án Nâng cấp tuyến đường Hồ Thị Hương (đoạn giao Quốc lộ 1 đến đoạn giao đường Hồng Thập Tự), thành phố Long Khánh		1.481.148.000	1.481.148.000		UBND thành phố Long Khánh
14	Dự án xây dựng Khu nhà nghỉ cán bộ của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai		58.228.000	58.228.000		Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
15	Dự án Nút giao ngã tư Tân Phong, thành phố Biên Hòa		2.360.462.000	2.360.462.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
16	Dự án Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với Quốc lộ 1A ngã ba Bưư Điện		979.971.781	979.971.781		UBND huyện Xuân Lộc
I.2	Số vốn cấp sau quyết toán còn lại	5.836.088.781	(5.836.088.781)	-	-	-
II	NGUỒN VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT	19.000.000.000		19.000.000.000	(11.585.000.000)	-
II.1	Số vốn cấp sau quyết toán giao chi tiết	3.750.054.190	3.664.593.539	7.414.647.729	-	7.414.647.729
1	Dự án Xây dựng Công viên cây xanh phường Xuân Trung, thành phố Long Khánh	2.639.591.190		2.639.591.190		UBND thành phố Long Khánh
2	Dự án Xây dựng Trạm y tế Phú Lộc, huyện Tân Phú	60.880.000		60.880.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án Đầu tư xây dựng Trạm y tế xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu	102.600.000		102.600.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Dự án Sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Vĩnh Cửu, huyện Vĩnh Cửu	599.890.000		599.890.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Dự án sửa chữa, cải tạo một số công trình Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở 1	54.478.000		54.478.000		Trường Đại học Đồng Nai
6	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, bếp ăn, y tế, công suất 90m ³ /ngày đêm	283.739.000		283.739.000		Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai
7	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Thành huyện Xuân Lộc	8.876.000		8.876.000		UBND huyện Xuân Lộc
8	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc		7.803.000	7.803.000		UBND huyện Xuân Lộc
9	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc		8.911.000	8.911.000		UBND huyện Xuân Lộc
10	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc		7.116.000	7.116.000		UBND huyện Xuân Lộc
11	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc		8.960.000	8.960.000		UBND huyện Xuân Lộc
12	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc		8.183.000	8.183.000		UBND huyện Xuân Lộc
13	Dự án Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai		83.686.000	83.686.000		Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai
14	Dự án Bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử Nhà lao Tân Hiệp		536.444.320	536.444.320		Bảo tàng tỉnh Đồng Nai
15	Dự án cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cơ sở 1 Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh		35.058.000	35.058.000		Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh
16	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh và 05 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đồng Nai		56.554.000	56.554.000		Sở Y tế
17	Dự án sửa chữa, cải tạo, di dời một số hạng mục của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai		109.884.000	109.884.000		Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai
18	Dự án Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với Quốc lộ 1A ngã ba Bưư Điện		2.801.994.219	2.801.994.219		UBND huyện Xuân Lộc
II.2	Số vốn cấp sau quyết toán còn lại	15.249.945.810	(3.664.593.539)	11.585.352.271	(11.585.000.000)	352.271

Phụ lục I.8

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỪ NGUỒN VỐN THƯỜNG THU VƯỢT
HUYỆN NỘP TRẢ VÀ NGUỒN VỐN THU VƯỢT XSKT NĂM 2023 HỖ TRỢ CÓ MỤC
TIÊU CHO CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Tờ trình số **199** /TTr-UBND ngày **04** tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	
		Vốn tỉnh phân bổ	Vốn huyện đối ứng
1	2	3	4
	Tổng số	186.619	29.269
1	Huyện Long Thành	34.128	5.352
a	Trường Tiểu học Long Thành C	20.762	3.255
b	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ Võ Thị Sáu đến Vũ Hồng Phô)	2.061	324
c	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Vũ Hồng Phô)	11.305	1.773
2	Huyện Trảng Bom	35.645	5.591
a	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	27.526	4.318
b	Nâng cấp Trường THCS Minh Đức	5.694	894
c	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Diên Hồng	2.425	380
3	Huyện Cẩm Mỹ	7.020	1.101
	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh	7.020	1.101
4	Huyện Tân Phú	35.503	5.568
a	Nâng cấp trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	8.101	1.270
b	Xây dựng trường mầm non Nam Cát Tiên	25.834	4.052
c	Đường Trà cổ (đoạn 2)	1.568	246
5	Huyện Định Quán	41.351	6.485
a	TH Phú Cường	20.049	3.144
b	THCS Thanh Sơn	21.302	3.341
6	Huyện Thống Nhất	13.668	2.144
a	Trường THCS Duy Tân (chuẩn)	12.147	1.905
b	Trường THCS Thăng Long	1.521	239
7	Huyện Vĩnh Cửu	19.304	3.028
a	Nâng cấp đường Chu Văn An, TT Vĩnh An	15.250	2.173
b	Xây mới Trường Tiểu học Cây Gáo B (Cơ sở 2)	4.054	636

Phụ lục I.9

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÃ HỘI HÓA HỖ TRỢ VỐN TỪ NGUỒN
NGÂN SÁCH TỈNH (NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ XỔ SỔ KIẾN THIẾT) NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tỉnh giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSQT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
	TỔNG CỘNG							200.000	100.000	100.000
I	Huyện Vĩnh Cửu							13.175	0	13.175
I.1	Các dự án đã thi công hoàn thành									
	Xã Thạnh Phú									
1	Đường tổ 9E, đầu nối với đường số 7, ấp 1, xã Thạnh Phú	1881/QĐ-UBND ngày 03/7/2022	3.704	1.234	1.853	617	3.085	1.234		1.234
2	Đường liên tổ 5-6, ấp 5, xã Thạnh Phú	1878/QĐ-UBND ngày 03/7/2022	653	207	343	103	516	206		206
3	Đường hẻm tổ 5.4, ấp 5, xã Thạnh Phú	1879/QĐ-UBND ngày 03/7/2022	639	208	327	104	519	207		207
4	Đường hẻm tổ 4, ấp 5, xã Thạnh Phú	1877/QĐ-UBND ngày 03/7/2022	786	255	403	128	638	255		255
5	Đường hẻm 83, liên ấp 7-6, xã Thạnh Phú	1880/QĐ-UBND ngày 03/7/2022	992	323	507	162	808	323		323
6	Nâng cấp, Cải tạo Hẻm số 03 vào Đình Thần Bình Thạnh, ấp 3, xã Thạnh Phú	2985/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	1.368	442	705	221	1.106	442		442
7	Đường xóm tổ 9F1 đầu nối với đường số 7, xã Thạnh Phú	2998/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	1.507	500	757	250	1.249	499		499
8	Đường Tân Huệ ấp 7, xã Thạnh Phú	2996/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	4.112	1.422	1.979	711	3.556	1.422		1.422
9	Hẻm tổ 5, ấp 5, xã Thạnh Phú	1132/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	313	101	162	50	252	100		100
	Xã Phú Lý									
10	Đường tổ 6, ấp 4 (giai đoạn 1), xã Phú Lý	1913/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	2.994	1.020	1.464	510	2.551	1.020		1.020
11	Đường tổ 11, ấp 4, xã Phú Lý	1914/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	860	289	427	144	721	288		288
	Xã Bình Lợi									
12	Sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Bình Lợi	2983/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	3.679	1.190	1.894	595	2.975	1.190		1.190
I.2	Các dự án đang triển khai thi công									
	Xã Phú Lý									
1	Đường tổ 8-N2, ấp Bàu Phụng, xã Phú Lý (CP BT GPMB, CBĐT...)	9575/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	5.962	950	4.537	475	3.020	950		950

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tỉnh giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSKT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
2	Đường số N7 liên ấp 1-3 (GD1), xã Phú Lý (CP BT GPMB, CBĐT...)	9711/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	25.484	5.039	17.925	2.520	12.598	5.039		5.039
II	Huyện Xuân Lộc		36.638	13.999	10.991	11.647	33.166	13.999	13.999	0
	Các dự án đã thi công hoàn thành									
	Xã Xuân Định									
1	Hẻm 1-2 Ấp Văn hóa Nong Doanh nối dài	3975/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	941	342	282	317	856	342	342	
2	Hẻm 12 đường Bà Rếp	1838/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	970	329	291	350	823	329	329	
	Xã Xuân Phú									
3	Đường tổ 2 ấp Bình Tân	1839/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	1.049	476	315	258	952	476	476	
	Xã Bảo Hòa									
4	Đường số 1 ấp Hòa Hợp (Giáp Xuân Phú)	12313/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	882	323	264	294	809	323	323	
	Xã Xuân Thọ									
5	Đường B7 nối dài, ấp Thọ Bình	13118/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	663	240	199	224	602	240	240	
	Xã Xuân Tâm									
6	Đường BLT7 - ấp Bằng Lăng	13018/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	1.577	572	473	532	1.431	572	572	
7	Đường Tổ 9 - ấp 6	131198/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	927	336	278	313	841	336	336	
	Xã Xuân Trường									
8	Đường tổ 1 ấp Bàu Sen	1841/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	2.696	979	809	908	2.449	979	979	
	Xã Xuân Thành									
9	Đường 3/2 nối đường 19/5	11442/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	819	293	246	280	733	293	293	
10	Đường nhánh Tổ 8 ấp Tân Hợp	1843/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	865	314	260	292	786	314	314	
	Các dự án đang triển khai thi công									
	Xã Xuân Phú									
1	Đường nội đồng tổ 4,6 ấp Bình Xuân 2	2549/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	1.754	794	526	434	1.589	794	794	
2	Đường nội đồng tổ 1 ấp Bình Hòa	2560/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	2.332	1.055	700	577	2.111	1.055	1.055	
	Xã Bảo Hòa									
3	Ngã ba đầu tép đi đò sọ, ấp Bưng Cắn	4969/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	3.512	1.261	1.054	1.197	3.153	1.261	1.261	
	Xã Xuân Hòa									
4	Đường 5 ấp 4	13117/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	383	139	115	129	348	139	139	

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tỉnh giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSKT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
5	Đường ngang tổ 16 ấp 3 (Lộc cá)	13121/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	550	199	165	186	499	199	199	
6	Đường 3 nối đường 6 ấp 2 (sau Trạm Y tế)	1840/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	551	200	165	186	501	200	200	
	Xã Xuân Bắc									
7	Đường tổ 24 ấp 6	1842/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	943	342	283	318	855	342	342	
	Xã Xuân Hưng									
8	Đường hẻm 127 ấp 5	1120/QĐ-UBND ngày 11/4/2023	564	209	169	186	523	209	209	
	Các dự án khởi công mới năm 2024									
	Xã Xuân Phú									
1	Đường nội đồng tổ 7 ấp Bình Hòa	13244/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	3.040	1.381	912	747	2.762	1.381	1.381	
	Xã Xuân Tâm									
2	Đường BLT4 - ấp Bằng Lăng	2565/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	2.015	731	605	680	1.829	731	731	
3	Sửa chữa đường số 8 (nối dài) ấp 3	2550/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	633	229	190	214	573	229	229	
4	Đường Suối Lớn T3 (Nội đồng) - ấp Gia Ui	13019/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	2.564	930	769	865	2.327	930	930	
	Xã Xuân Bắc									
5	Đường tổ 1+3 ấp 2B	13243/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	1.967	713	590	664	1.784	713	713	
	Xã Xuân Hưng									
6	Đường 01 NĐ ấp 4	2554/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	721	262	216	243	655	262	262	
7	Đường cộ dầu ấp 3A	1845/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	2.469	897	741	831	2.243	897	897	
8	Đường 31 ấp 5	1846/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	1.250	453	375	422	1.133	453	453	
III	Huyện Thống Nhất		61.779	21.350	32.571	7.857	53.376	19.830	0	19.830
III.1	Các dự án đã thi công hoàn thành									
	Xã Gia Kiệm									
1	Đường Hẻm nhà ông Hạnh	766/QĐ-UBND ngày 11/3/2024	971	327	481	163	817	320		320
	Xã Gia Tân 2									
2	Đường nhánh rẽ đường Vườn Xoài	388/QĐ-UBND ngày 21/3/2023	2.916	984	1.440	492	2.461	980		980
	Thị trấn Dầu Giây									
3	Đường vào trung tâm hành chính thị trấn Dầu Giây , HM: Sửa chữa đường và nâng cấp hệ thống mương thoát nước	2873/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	4.921	1.784	2.244	892	4.461	380		380

[illegible]

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tỉnh giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSKT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
4	Nâng cấp đường số 29, ấp Trà Cỏ	1853/QĐ-UBND 29/05/2023	14.761	4.672	9.839	250	11.679	1.000	1.000	
	Xã Hố Nai 3									
5	Nâng cấp đường Yên Thế, ấp Thái Hòa	3667/QĐ-UBND 30/08/2023	9.284	2.857	6.177	250	7.143	1.000	1.000	
V	Huyện Long Thành		38.334	13.042	15.859	9.433	32.605	13.041	13.041	0
V.1	Các dự án đã thi công hoàn thành									
	Xã An Phước									
1	Hèm 268 đường ĐT. Chắt thái rần, xã An Phước	5760/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	2.344	789	963	592	1.973	789	789	
2	Cải tạo Hèm 937 và Hèm 937/39 Quốc lộ 51, xã An Phước	9661/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	696	231	292	173	577	231	231	
	Xã Long An									
3	Hèm 21 đường Cầu Mên, xã Bình An	9379/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	2.228	865	1.064	300	2.162	865	865	
V.2	Các dự án đang triển khai thi công									
	Xã Bàu Cạn									
1	Hèm 447 đường Bàu Cạn, xã Bàu Cạn	7808/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	1.031	341	435	255	851	341	341	
2	Hèm 770 đường Bàu Cạn, xã Bàu Cạn	7810/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	3.310	1.102	1.381	827	2.755	1.102	1.102	
3	Hèm 139 đường Cây Cầy - Suối Le, xã Bàu Cạn	8357/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	4.584	1.608	1.769	1.206	4.021	1.608	1.608	
	Xã Long Phước									
4	Đường nối từ hèm 157 đến hèm 157/4 đường Bàu Cạn, xã Long Phước	7310/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	777	242	353	182	606	242	242	
5	Hèm 83 Hương lộ 12, xã Long Phước	5298/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	1.422	460	617	345	1.150	460	460	
6	Hèm 2570 Quốc lộ 51, xã Long Phước	9835/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	1.123	349	513	262	872	349	349	
	Xã Tân Hiệp									
7	Nâng cấp Hèm 330 đường Tân Hiệp, xã Tân Hiệp	7809/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	8.926	3.043	3.601	2.282	7.608	3.043	3.043	
V.3	Các dự án khởi công mới năm 2024									
	Xã Tam An									
1	Nâng cấp đường Liên ấp 4 - 5, xã Tam An	10464/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	4.340	1.458	1.788	1.094	3.646	1.458	1.458	
	Xã Bàu Cạn									
2	Hèm16/2 đường suối Tân Hiệp, xã Bàu Cạn	9645/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	2.545	845	1.067	634	2.112	845	845	
3	Hèm 22 đường khu Láng Đế, xã Bàu Cạn	9650/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	1.821	613	748	460	1.533	613	613	

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tính giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSKT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
4	Hẻm 46 đường Ngã 3 Cây Cầy - Suối Le, xã Bàu Cạn	9653/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	3.187	1.096	1.269	822	2.740	1.095	1.095	
VI	Huyện Tân Phú		44.371	17.172	18.818	8.381	38.010	13.834	0	13.834
VI.1	Các dự án đã thi công hoàn thành									
	Xã Thanh Sơn									
1	Đường lên đập Trần ấp Suối Đá	39/QĐ-UBND ngày 28/3/2023	258	84	106	68	209	83		83
	Các dự án đang triển khai thi công									
	Xã Nam Cát Tiên									
1	Tuyến đường ấp 1 - xã Nam Cát Tiên	80/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	2.695	871	1.119	705	2.178	871		871
2	Tuyến đường ấp 3 - xã Nam Cát Tiên	89/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	957	303	381	273	759	303		303
	Xã Núi Tượng									
3	Đường số 4 ấp 2	220/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	3.182	1.064	1.113	1.005	2.661	1.064		1.064
4	Đường hẻm 196 Đ.P.Lập - Núi Tượng + đường hẻm 178 Đ.P.Lập - Núi Tượng	53/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	1.511	525	575	411	1.314	525		525
5	Đường số 1 ấp 6A	07/QĐ-UBND ngày 16/01/2024	2.068	686	916	466	1.716	686		686
6	Đường số 2 ấp 6B	10/QĐ-UBND ngày 16/01/2024	1.126	363	489	274	907	362		362
7	Đường Bàu Kè	68/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	1.652	566	714	372	1.416	566		566
	Xã Đắc Lua									
8	Đường Ông Sắt	115/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND xã	1.182	496	538	148	991	495		495
9	Đường Tư Răn - Lý A Dường	107/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND xã	5.991	2.614	2.874	503	5.229	2.614		2.614
10	Đường ông Trung	100/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND xã	4.371	1.868	2.018	485	3.735	1.867		1.867
11	Đường Tư Răn - Lý A Dường	107/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND xã	1.907	828	725	354	1.655	72		72
12	Đường ông Trung	100/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND xã	2.613	1.132	995	486	2.265	94		94
	Các dự án khởi công mới năm 2024									
	Xã Đắc Lua									
1	Tuyến đường tổ 5 ấp 4 (Từ ông Nhất - Đồi C5)	332/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	1.572	654	613	305	1.308	654		654
2	Tuyến đường tổ 6 ấp 1 (Từ ông Mong - ông Thăng Vải)	344/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	2.999	1.350	1.150	499	2.700	399		399

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tỉnh giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSKT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
3	Tuyến đường tổ 2 ấp 5 (Từ ông Hải Cần - đến suối)	345/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	2.017	911	767	339	1.821	322		322
	Xã Phú Thịnh									
4	Đường Tổ 1 - Tổ 2 Ấp 1	287/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	2.295	769	993	533	1.924	769		769
5	Đường Tổ 5 - Tổ 8 Ấp 1	286/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	3.092	1.060	1.362	670	2.652	1.060		1.060
	Xã Phú Điền									
6	Đường Nội đồng N2 - ấp 4	4963/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.883	1.028	1.370	485	2.570	1.028		1.028
VII	Huyện Định Quán		298.983	113.438	102.567	82.978	253.397	57.760		
VII.1	Các dự án đã thi công hoàn thành									
	Xã Phú Tân									
1	Đường khu 2 ấp 8, xã Phú Tân	2430/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	2.123	895	537	691	1.790	503		503
2	Đường khu dân cư 1 ấp 6, xã Phú Tân	456/QĐ-UBND ngày 25/2/2022	1.687	702	421	564	1.404	416		416
3	Đường khu 4 ấp 6, xã Phú Tân	3967/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.507	1.481	888	1.138	2.961	878		878
4	Đường ấp 5 đi ấp 8 (Đoạn 1), xã Phú Tân	4249/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	3.220	1.361	1.089	770	2.722	807		807
	Xã Phú Lợi									
5	Nâng cấp đường hẻm 56 ấp 3 xã Phú Lợi	1246/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	609	206	206	197	516	122		122
6	Mương thoát nước đường phố 5,6,7 ấp 4, xã Phú Lợi	3769/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	3.605	1.248	1.248	1.109	3.121	739		739
7	Nâng cấp mở rộng đường phố 9 ấp 5, xã Phú Lợi	3768/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	2.168	750	750	668	1.874	444		444
8	Nâng cấp đường phố 3 ấp 1 xã Phú lợi	3415/QĐ-UBND ngày 10/7/2022	2.218	948	759	511	1.897	562		562
9	Nâng cấp đường phố 4 ấp 4 xã Phú lợi	3414/QĐ-UBND ngày 10/7/2022	2.312	989	791	532	1.977	586		586
10	Nâng cấp đường liên ấp 1,2,4,5 (Đoạn 2) xã Phú lợi	3416/QĐ-UBND ngày 10/7/2022	2.741	1.172	937	632	2.344	695		695
11	Nâng cấp đường phố 4 ấp 2, xã Phú Lợi	3903/QĐ-UBND ngày 17/01/2022	1.883	800	480	603	1.599	474		474
12	Nâng cấp đường phố 5 ấp 2, xã Phú Lợi	3904/QĐ-UBND ngày 17/01/2022	2.121	901	541	679	1.802	534		534
13	Nâng cấp đường phố 6 ấp 5 xã Phú Lợi	3707/QĐ-UBND ngày 11/01/2022	3.027	1.291	775	961	2.582	765		765
14	Nâng cấp đường phố 2 ấp 1, xã Phú Lợi	3708/QĐ-UBND ngày 11/01/2022	2.742	1.171	937	634	2.342	694		694
15	Nâng cấp đường phố 2 ấp 2, xã Phú Lợi	1109/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	2.763	919	1.149	695	2.298	919		919

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tỉnh giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSKT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
16	Nâng cấp đường phố 6 ấp 2, xã Phú Lợi	1124/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	2.455	815	815	825	2.038	815		815
	Xã Phú Hòa									
17	Đường KDC 7 ấp 2 xã Phú Hòa	3424/QĐ-UBND ngày 29/9/2021	394	132	132	130	330	78		78
18	Nâng cấp đường ranh giới phú lợi- Phú Hòa	36974/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	8.674	2.959	3.698	2.017	7.396	1.753		1.753
19	Nâng cấp đường nối ấp 4 với trung tâm xã Phú Hòa	2705/QĐ-UBND ngày 07/8/2022	8.967	3.044	3.044	2.879	7.610	1.804		1.804
20	Đường KDC 6 ấp 2, xã Phú Hòa	3575/QĐ-UBND ngày18/10/2022	1.353	458	458	437	1.145	272		272
21	Nâng cấp đường KDC 7 ấp 2 (Nhánh 1), xã Phú Hòa	3576/QĐ-UBND ngày18/10/2022	1.067	371	371	325	927	220		220
	Xã Gia Canh									
22	Đường KDC 2 ấp 7 xã Gia Canh	925/QĐ-UBND ngày 08/3/2021	1.082	371	371	340	928	220		220
23	Đường KDC 12 ấp 7 xã Gia Canh	5292/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	736	245	245	246	613	145		145
24	Đường KDC 5 ấp 7 xã Gia Canh	4397/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	585	194	194	197	486	115		115
25	Đường KDC 6 ấp 7 xã Gia Canh	488/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	357	119	119	119	297	71		71
26	Đường KDC 4 ấp 8 (Nhánh 2)xã Gia Canh	5429/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	1.667	562	562	543	1.405	333		333
27	Đường KDC 8A ấp 1, xã Gia Canh	486/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	216	71	71	74	179	43		43
28	Đường KDC 8B ấp 1, xã Gia Canh	487/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	222	73	73	76	183	44		44
29	Đường KDC 9 ấp 2, xã Gia Canh	455/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	1.454	494	494	466	1.235	293		293
	Xã Ngọc Định									
30	Đường tổ 5 nhánh 2 ấp Hòa Đồng xã Ngọc Định	3166/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	1.387	473	473	441	1.182	281		281
31	Đường tổ 6 ấp Hòa Hiệp xã Ngọc Định.	2518/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	2.346	793	793	760	1.983	470		470
	Xã Phú Ngọc									
32	Đường KDC 4 ấp 7, xã Phú Ngọc	2514/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	709	242	242	225	605	144		144
33	Đường KDC 1 ấp 7 (Tuyến 1, 2, 3), xã Phú Ngọc	2962/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	1.330	454	454	422	1.134	269		269
34	Đường KDC 4 ấp 5, xã Phú Ngọc	3148/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	1.552	531	531	490	1.328	315		315
35	Đường KDC 2, 7 ấp 7, xã Phú Ngọc	3755/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	783	265	265	253	661	157		157
36	Đường Be 110 ấp 5 (Giai đoạn 2), xã Phú Ngọc	4283/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	9.320	3.173	3.967	2.180	7.933	1.881		1.881

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tĩnh giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSKT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
37	Đường Lô 9 KDC 6 ấp 3 (Giai Đoạn 3) xã Phú Ngọc	1990/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	600	202	202	196	506	120		120
38	Đường KDC 5 ấp 7 xã Phú Ngọc	2873/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	2.095	710	710	675	1.774	421		421
39	Đường KDC 1,2,5 khu tái định cư ấp 1 xã Phú Ngọc	1701/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1.054	352	352	350	881	352		352
40	Đường KDC 5-6 ấp 1 xã Phú Ngọc	3298/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	1.181	400	400	381	1.001	400		400
	Xã La Ngà									
41	Đường tổ 8-9 ấp 1 xã La Ngà	1162/QĐ-UBND ngày 21/10/2021	480	163	163	154	407	97		97
42	Nâng cấp đường nội đồng ấp Phú Quý 1, xã La Ngà	1895/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	3.203	1.074	1.342	787	2.684	637		637
43	Đường tổ 3 ấp 1, xã La Ngà	3177/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	1.338	451	451	436	1.126	268		268
44	Đường tổ 4 ấp 1, xã La Ngà	3178/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	928	313	313	302	782	186		186
45	Đường liên tổ 10- tổ 12 ấp 5 (tuyến Nhánh), xã La Ngà	3179/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	752	253	253	246	632	150		150
46	Đường tổ 4 (Nhánh 1+2) ấp Vĩnh An, xã La Ngà	4248/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	1.880	634	634	612	1.585	376		376
47	Đường tổ 4 – tổ 7 ấp Phú Quý 1, xã La Ngà.	3785/QĐ-UBND ngày 11/4/2022	1.004	338	338	328	846	201		201
48	Đường tổ 6 Suối 30 ấp 5, xã La Ngà	4272/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	6.143	2.081	2.081	1.981	5.202	1.233		1.233
49	Đường tổ 5 (Nhánh 1) ấp Vĩnh An, xã La Ngà	4332/QĐ-UBND ngày 12/5/2022	913	307	307	299	767	182		182
50	Đường tổ 5 (Nhánh 2) ấp Vĩnh An, xã La Ngà	3998/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	1.464	493	493	478	1.233	293		293
	Xã Thanh Sơn									
51	Nâng cấp Đường vào đồi trường, xã Thanh Sơn	3019/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	4.516	1.918	1.534	1.064	3.836	1.137		1.137
52	Nâng cấp Đường liên tổ 8, 11 ấp 2, xã Thanh Sơn	3020/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	5.620	2.391	1.912	1.317	4.781	1.417		1.417
53	Nâng cấp đường 9-10 ấp 8, xã Thanh Sơn	3042/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	4.681	1.977	1.582	1.122	3.954	1.172		1.172
54	Nâng cấp Đường liên tổ 2 đi tổ 7 ấp 2, xã Thanh Sơn	3017/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	4.482	1.907	1.526	1.049	3.814	1.130		1.130
55	nâng cấp Đường 4A đi tổ 5 ấp 2 (Tổ 4A, 5, 6 ấp 2), xã Thanh Sơn	3018/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	2.661	1.129	903	629	2.259	669		669
56	Nâng cấp đường nội đồng Bàu Lùng ấp 2 (tuyến 2), xã thanh Sơn	3213/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	3.783	1.597	1.277	909	3.193	947		947
57	Đường tổ 9 ấp 5, xã Thanh Sơn	3626/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	5.391	2.282	1.369	1.740	4.563	1.353		1.353

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tỉnh giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSKT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
58	Đường tổ 11 ấp 5, xã Thanh Sơn	3627/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	3.993	1.692	1.015	1.286	3.384	1.003		1.003
59	Đường Đồi Cá - Minh Phụng, xã Thanh Sơn	4567/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	6.655	2.809	2.247	1.599	5.618	1.665		1.665
60	Đường tổ 9- tổ 10 ấp 6 xã Thanh Sơn	4432/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	3.232	1.365	1.092	775	2.731	809		809
61	Nâng cấp đường liên tổ 12 ấp 1 đi tổ 6 ấp 2 xã Thanh Sơn	4568/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	3.852	1.629	1.303	920	3.258	966		966
62	Nâng cấp đường nội đồng tổ 7 đi tổ 6 ấp 3	4359/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	4.211	1.782	1.425	1.004	3.564	1.057		1.057
	Xã Túc Trưng									
63	Nâng cấp đường Vành đai 50ha cây ăn trái ấp 94 xã Túc Trưng	1708/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	4.443	1.880	1.504	1.059	3.759	1.115		1.115
64	Nâng cấp đường tổ 4 ấp 94 đồi 48 (Đoạn 1) xã Túc Trưng	1709/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	4.034	1.697	1.358	979	3.394	1.006		1.006
	Xã Phú Túc									
65	Đường KDC 2 ấp Tam Bung, xã Phú Túc	3180/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	2.305	979	587	739	1.958	581		581
66	Đường KDC 5-6 (Đoạn 2, nhánh 1) ấp Suối Rút, xã Phú Túc	3182/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	3.706	1.573	944	1.189	3.146	932		932
67	Đường KDC 5-6 (Đoạn 2, nhánh 2) ấp Suối Rút, xã Phú Túc	3183/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	3.476	1.475	885	1.116	2.950	874		874
68	Đường KDC 5 (đoạn 2) ấp Suối Son, xã Phú Túc	3181/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	832	351	211	270	702	208		208
	Xã Phú Cường									
69	Đường KDC 3 ,4, 5 ấp Bến Nôm 1, xã Phú cường	1125/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	677	218	218	241	546	218		218
	Xã Suối Nho									
70	Đường tổ 13 ấp 1 xã Suối Nho	3003/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	3.764	1.279	1.279	1.206	3.197	758		758
71	Đường tổ 7 ấp 4 xã Suối Nho	2871/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	976	327	327	322	818	194		194
72	Đường liên tổ 1-2 ấp 4 xã Suối Nho	2880/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	713	238	238	237	594	141		141
73	Nâng cấp mở rộng đường dọc Hồng Nga (đoạn 2) xã Suối Nho	2596/QĐ-UBND ngày 24/6/2022	5.433	1.857	2.321	1.255	4.642	1.101		1.101
74	đường tổ 11 ấp 4 (Đoạn 2) xã Suối Nho	2872/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	2.906	986	986	934	2.465	585		585
75	Đường tổ 10 ấp 4 xã Suối Nho	3004/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	1.624	548	548	528	1.371	325		325
76	Đường tổ 12 ấp 1 xã Suối Nho	3623/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	2.240	757	757	726	1.892	449		449
77	Đường tổ 3 ấp Chợ xã Suối Nho	3622/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	1.611	565	565	481	1.412	335		335

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tỉnh giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSKT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
78	Đường tổ 4 ấp Chợ xã Suối Nho	3624/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	1.147	385	385	377	964	229		229
79	Nâng cấp mở rộng đường Dong Hồng Nga (Đoạn 1) xã Suối Nho	3787/QĐ-UBND ngày 4/11/2022	5.661	1.935	2.418	1.308	4.836	1.934		1.934
80	Đường tổ 4 ấp 2 xã Suối Nho	4480/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	2.466	836	836	794	2.091	496		496
81	Đường tổ 2 ấp 4 xã Suối Nho	4834/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.436	486	486	464	1.214	288		288
	Thị trấn Định Quán									
82	Đường tổ 12 khu phố Hiệp Đồng đoạn 2, thị trấn Định Quán	3957/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	2.982	1.015	1.015	952	2.536	602		602
83	Đường tổ 12 khu phố Hiệp Tâm 2 (Nhánh 2), thị trấn Định Quán	1894/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	1.123	379	379	365	949	225		225
84	Đường liên tổ 8-9 khu phố Hiệp Tâm 2, thị trấn Định Quán	3321/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	1.382	467	467	448	1.168	277		277
85	Đường liên tổ 4, 5, 7 khu phố Hiệp lực, thị trấn Định Quán	3592/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	2.131	719	719	693	1.797	426		426
VII.2	Các dự án đang triển khai thi công									
	Xã Phú Tân									
1	Đường khu 2 ấp 2, xã Phú Tân	2643/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	4.331	1.907	1.144	1.280	3.814	330	330	
	Xã Phú Lợi									
2	Nâng cấp đường liên ấp 1-4, xã Phú Lợi	1154/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	3.116	1.041	1.041	1.034	2.603	300	300	
	Xã Phú Hòa									
5	Đường nối ấp 4 đi khu dân cư ấp 1, xã Phú Hòa	893/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	939	306	306	327	764	100	100	
6	Nâng cấp, mở rộng đường liên ấp 2,3,4 (đoạn từ km0+00 đến km0+450), xã Phú Hòa	1478/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	3.898	1.303	1.303	1.292	3.258	390	390	
7	Nâng cấp đường ấp 3 đoạn 1, xã Phú Hòa	2960/QĐ-UBND ngày 16/8/2022	9.826	3.393	4.242	2.191	8.484	500	500	
	Xã La Ngà									
8	Đường tổ 2A ấp 1 xã La Ngà	3956/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	2.370	808	808	754	2.020	140	140	
9	Đường tổ 7 ấp Phú Quý 2, xã La Ngà	3832/QĐ-UBND ngày 11/9/2022	1.328	449	449	430	1.122	100	100	
10	Đường tổ 6 ấp Phú Quý 2 (Đoạn 2), xã La Ngà	3996/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	573	192	192	189	481	50	50	
11	Đường tổ 5 (Nhánh 3) ấp Vĩnh An, xã La Ngà	3997/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	1.437	482	482	473	1.206	100	100	
	Xã Thanh Sơn									
12	Đường nội đồng tổ 7 ấp 3, xã Thanh Sơn	04/QĐ-UBND ngày 03/01/2023	3.026	1.275	1.020	731	2.550	375	375	

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tỉnh giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSKT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
13	Nâng cấp đường ngã ba cây sao Suối Lát, xã Thanh Sơn	732/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	8.910	3.743	2.994	2.173	7.486	600	600	
14	Đường tổ 8 ấp 1 đi tổ 8 ấp 2, xã Thanh Sơn	758/QĐ-UBND ngày 06/3/2023	5.227	2.172	1.738	1.317	4.344	500	500	
15	Nâng cấp đường liên tổ 7, 8,12, 13 ấp 8, xã Thanh Sơn	3021/QĐ-UBND ngày 19/8/2023	9.025	3.834	3.067	2.124	7.667	680	680	
	Xã Phú Túc									
16	Nâng cấp Đường nhánh 1, nhánh 2 Dong 2 ấp Thái Hòa , xã Phú túc	1306/QĐ-UBND ngày 02/6/2023	3.465	1.433	1.146	886	2.865	429	429	
17	Nâng cấp Đường Cây Xăng- Ấp Chợ- ấp Thái Hòa, xã Phú túc	1591/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	8.910	3.885	3.108	1.917	7.770	1.165	256	909
	Xã Phú Cường									
18	Nâng cấp đường vào trung tâm văn hóa xã Phú Cường.	1162/QĐ-UBND ngày 09/5/2023	1.580	519	649	412	1.298	155	155	
	Xã Suối Nho									
19	Đường tổ 6 ấp 2 xã Suối Nho	2222/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	5.673	1.887	1.887	1.899	4.718	566	566	
20	Đường tổ 4 ấp 6 Suối Nho	2301/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	1.348	452	452	444	1.130	135	135	
	Thị trấn Định Quán									
21	Đường tổ 5 khu phố Hiệp Nhất, thị trấn Định Quán	873/QĐ-UBND ngày 30/3/2023	6.192	2.076	2.595	1.521	5.191	622	622	
22	Đường tổ 6 khu phố Hiệp Lực, thị trấn Định Quán	1413/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	1.247	407	407	433	1.017	122	122	
VIII	Thành phố Long Khánh		28.660	10.250	5.106	13.305	25.529	10.211	10.211	0
VIII.1	Các dự án đã thi công hoàn thành									
	Xã Hàng Gòn									
1	Đường tổ 9 ấp Tân Phong, xã Hàng Gòn	2727/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	428	188	75	165	375	150	150	
VIII.2	Các dự án đang triển khai thi công									
	Xã Bàu Trâm									
1	Đường Hoa Sen - Ruộng Dầu	601/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; 95/QĐ-UBND	28.232	10.062	5.031	13.140	25.154	10.061	10.061	
IX	Huyện Cẩm Mỹ		17.758	6.841	6.382	4.535	15.297	6.841	6.841	0
IX.1	Các dự án đã thi công hoàn thành									
	Xã Sông Ray									
1	Đường tổ 15 ấp 1 đi cầu Suối Đục ấp 6, xã Sông Ray	170/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	1.002	434	347	221	868	434	434	
2	Đường tổ 2 , tổ 6 ấp 7, xã Sông Ray	273/QĐ-UBND ngày 26/4/2023	367	152	121	94	303	152	152	

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tỉnh giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSQT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
3	Đường liên tổ 10, tổ 3 ấp 8 xã Sông Ray	1400/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	654	279	223	153	557	278	278	
4	Đường tổ 3D ấp 6 Lâm San giáp ấp 8 xã Sông Ray	454/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	716	303	242	171	606	303	303	
	Xã Nhân Nghĩa									
5	Đường tổ 2B ấp Cam Tiên, xã Nhân Nghĩa	1392/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	420	181	126	113	361	181	181	
	Xã Xuân Tây									
6	Đường tổ 5,6,8 ấp 7, xã Xuân Tây	768/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	1.438	597	478	363	1.194	597	597	
	Xã Thừa Đức									
7	Đường tổ 1A ấp 3, xã Thừa Đức	891/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	1.273	455	512	307	1.137	454	454	
8	Đường tổ 10-1 ấp 8, xã Thừa Đức	609/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	840	282	317	241	705	282	282	
	Xã Xuân Bảo									
9	Đường các nhánh trung tâm ấp Nam Hà, xã Xuân Bảo	611/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	1.410	492	430	488	1.229	492	492	
10	Đường tổ 23 ấp Nam Hà, xã Xuân Bảo	1282/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	164	54	61	49	135	54	54	
	Xã Bảo Bình									
11	Đường nhánh 1 tổ 1, 2 ấp Lò Than	750/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	769	353	282	135	705	352	352	
12	Đường nhánh 2 tổ 7 ấp Tân Bình, xã Bảo Bình	969/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	295	118	94	84	235	117	117	
13	Đường nhánh 1 tổ 7 ấp Tân Xuân	725/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	273	121	96	56	241	121	121	
14	Đường nhánh tổ 1 ấp Tân Xuân	919/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	688	295	236	158	589	295	295	
	Xã Xuân Đông									
15	Đường tổ 6 ấp La Hoa	658/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	623	215	242	167	537	215	215	
16	Đường tổ 18 ấp Suối Lức	660/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	1.488	532	599	358	1.330	532	532	
17	Đường tổ 10C ấp Bể Bạc	661/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	734	255	287	193	637	255	255	
18	Đường tổ 8 ấp Láng Me 2, xã Xuân Đông	659/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	290	97	109	83	243	97	97	
19	Đường nghĩa địa Cọ Dầu	777/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	948	345	388	215	862	345	345	
20	Đường tổ 10 ấp Thoại Hương, Xã Xuân Đông	727/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	744	257	289	197	643	257	257	
IX.2	Các dự án đang triển khai thi công									
	Xã Nhân Nghĩa									
1	Đường nhánh 3,4,5,6 ấp Duyên Lăng, xã Nhân Nghĩa	726/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	987	402	321	264	803	401	401	

STT	Tên dự án, công trình	QĐ phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Ngân sách tĩnh giao năm 2024	Trong đó	
			Tổng số	Trong đó			chi phí xây lắp		Nguồn NSTT	Nguồn XSKT
				Vốn do UBND tỉnh hỗ trợ	Vốn do UBND huyện hỗ trợ	Vốn Nhân dân đóng góp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11
	Xã Xuân Tây									
2	Đường tổ 1A ấp 12, xã Xuân Tây	1132/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	692	290	232	170	580	290	290	
3	Đường tổ 2 ấp 6, xã Xuân Tây	1133/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	234	91	73	70	182	91	91	
	Xã Xuân Đông									
4	Đường tổ 23 ấp Bể Bạc đi Thoại Hương, xã Xuân Đông	111/QĐ-UBND ngày 21/3/2024	709	246	277	186	615	246	246	

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến T07/2024	trong đó				Điều chỉnh tăng/giảm				trong đó				Chưa đầu tư	
						NSTT	Đất	XS/KT (kể cả kết dư và thu vượt)	TW	NSTT	Đất	XS/KT (kể cả kết dư và thu vượt)	TW	Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	NSTT	Đất	XS/KT (kể cả kết dư và thu vượt)		TW
1	2	3	4	5	6	7	8	9		10	11			12	13	14	15	16	
	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Vô Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thông Nhứt và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	tối đa 5 năm	1.146.000	98.664		98.664				(98.664)			-			-		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
2	Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh	LK	tối đa 4 năm	939.479	179.000	179.000					50.000			229.000	179.000	50.000		UBND thành phố Long Khánh	
3	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NSTT100%)	L.T-NT	tối đa 4 năm	1.493.043							37.781			37.781		37.781		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
II	Cấp nước, thoát nước																	-	
II.1	Dự án chuyển tiếp																	-	
1	Chống ngập ứng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	BH	tối đa 4 năm	267.620														-	
	Trong đó:																	-	
a	Chống ngập ứng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư				9.900					(5.081)				4.819	4.819	-		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT	Đến 2024	584.830	9.500	9.500				(3.534)				5.966	5.966	-		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTCPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	theo tiến độ Hiệp định	6.610.252	14.261	5.000	9.261			5.372	854			20.487	10.372	10.115	-	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																	-	
III.1	Dự án chuyển tiếp																	-	
1	Dự án kế gạn cỏ bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thông Nhứt đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tân Hiệp; thành phố Biên Hòa-dự án đổi ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH	BH	Đến 2024	373.172														-	
	giải đoạn 1 từ vốn ODA																	-	
	Trong đó:																	-	
a	Dự án kế gạn cỏ bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thông Nhứt đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tân Hiệp; thành phố Biên Hòa				6.377		6.377			(1.713)				4.664	4.664	-		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Dự án chống ngập ứng khu vực Suối Cại (Ngân sách thành phố Long Khánh chi bồi thường)	LK	tối đa 4 năm	544.493	10.000	5.500	4.500				(4.500)			5.500	5.500	-		UBND thành phố Long Khánh	
3	Gia cổ bờ sông Đồng Nai đoạn từ Trạm xử lý nước thải số 2 phường Tân Hiệp đến cầu An Hòa phường An Bình thành phố Biên Hòa (bao gồm hoàn trả vốn ứng trước)	BH	tối đa 4 năm	201.528	20.000	3.400	16.600			3.706	3.047			26.753	7.106	19.647	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
III.2	Lập thiết kế bản vẽ thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng																	-	
1	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cại Cầu (suối) Xiếp) đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước thị trấn DT An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp tỉnh Bình Dương (chuyển chủ đầu tư từ UBND thành phố Biên Hoà sang Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh)	BH	tối đa 3 năm	163.110	3.110		3.110				45.000			48.110		48.110		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	
IV	Môi trường																	-	
IV.1	Dự án chuyển tiếp																	-	
1	Dự án Gia cổ bờ sông Đồng Nai (đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cại)	BH	đến 2024	109.172	40.000	13.489	26.511				(1.501)			38.499	13.489	25.010	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
V	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp																	-	
V.1	Dự án khởi công mới																	-	
1	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư; kể cả bố trí hoàn vốn ứng trước)	BH	Tối đa 3 năm	42.802	8.983		8.983				(2.400)			6.583	-	6.583	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
V.2	Dự án chuyển tiếp																	-	
2	Dự án cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh đất chuẩn quốc gia	TB	tối đa 4 năm	152.000	65.000							(2.300)		62.700		62.700		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
VI	Y tế, dân số và gia đình																	-	
VI.1	Dự án chuyển tiếp																	-	
1	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	10.581	5.956						(450)			5.506		5.506		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 5 năm	77.496	45.000						(2.273)			42.727		42.727		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	

S T T	Danh mục dự án	ĐP XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 10/2024	Trong đó				Điều chỉnh tăng/giảm				Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh, bổ sung				Trong đó			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	XS/KT (kể cả kết dư và thu vượt)	TW	NSTT	Đất	XS/KT (kể cả kết dư và thu vượt)	TW	NSTT	Đất	XS/KT (kể cả kết dư và thu vượt)	TW	NSTT	Đất	XS/KT (kể cả kết dư và thu vượt)	TW
1	2	3	4	5	6	7	8	9		10	11			12	13	14	15				16
3	Dự án Nâng cấp, cải tạo Phòng Khám đa khoa khu vực Phú Lý và Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu (cũ số 2) tỉnh Đồng Nai	VC	2024-2026	22.280	1.900			1.900				(1.080)		820			820				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
VII.1																					
Dự án chuyển tiếp																					
Văn hóa - xã hội																					
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	BH	Đến 2024	103.383	8.199			8.199				6.103		14.302			14.302				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
A2	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư (nguồn ngân sách tỉnh)																				
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành (đổ ăn)	CM-XL-LT	Đổ đa 6 năm	4.311.410	3.200		3.200			(1.280)				1.920		1.920					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Dự án tuyến thu gom về trạm xử lý nước thải số 1, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa	BH	Đổ đa 5 năm	99.570	500		500			155				655		-		-			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom	TB	2022-2025	221.511	500		500			190				690	190	500		-			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành	LT	2020-2024	107.180	130		130			230				360	230	130		-			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Dự án xây dựng kiến cơ hóa đơn từ lý trình Km6-692 đến lý trình Km8-592 tuyến kênh T0 và đơn từ lý trình Km0-108 đến lý trình Km1-077 tuyến kênh T2 suối Nước Trong, huyện Long Thành	LT	Đổ đa 03 năm	150.000	300		300			675				975	675	300		-			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
A3	Thực hiện dự án (nguồn ngân sách trung ương)																				
Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác																					
Giao thông																					
1	Dự án chuyển tiếp																				
1	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh	NT	2023-2026	2.583.995	474.456				474.456				60.753	535.209							Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1 (cải tạo đường vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội năm 2023)		2023-2026	6.012.349																	
Trong đó:																					
a	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1	BH-LT		6.012.349	500.000				500.000				(60.753)	439.247							Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
Hỗ trợ có mục tiêu																					
Giao thông																					
1	Dự án chuyển tiếp																				
1	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa đoạn từ đường Vò Tui Sầu đến đường Dâng Văn Tron (cầu Thông Nhài và đường kết nối 02 đầu cầu), thành phố Biên Hòa	BH	2022-2025	1.506.538	50.000				50.000				(45.000)	5.000							Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																					
1	Dự án chuyển tiếp																				
1	Dự án Kê chống sụt lún bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cầu đến cầu Chanh phía Cù lao Phố) thành phố Biên Hòa (nguồn vốn ngân sách tỉnh cho công tác bồi đắp)	BH	2022-2025	350.788	16.675				16.675				45.000	61.675							Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
B	Điều chỉnh tại Quyết định số 3406/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024				1.101.753	0	0	0	1.101.753	0	0	0	0	1.101.753	0	0	0	1.101.753	-		
B1	Thực hiện dự án (nguồn ngân sách trung ương)																				
Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác																					
Giao thông																					
Dự án chuyển tiếp																					
1	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh	NT	2023-2026	2.583.995	535.209				535.209				170.385	705.594							Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Dự án thành phần 4: Bồi đắp bờ tự, tái định cư đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai	NT	2024-2025	1.284.000	566.544				566.544				(170.385)	396.159							UBND huyện Nhơn Trạch
C	Điều chỉnh tại Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024				1.731.230	623.725	806.725	300.780		0	0	0		1.731.230	623.725	806.725	300.780	0			

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến T07/2024	trong đó				Điều chỉnh tăng/giảm				Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	trong đó				Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	XS/KT (kế cả kết dư và thu vượt)	TW	NSTT	Đất	XS/KT (kế cả kết dư và thu vượt)	TW		NSTT	Đất	XS/KT (kế cả kết dư và thu vượt)	TW	
1	2	3	4	5	6	7	8	9		10	11			12	13	14	15		16
CI	Thực hiện dự án (nguồn ngân sách tỉnh)																		
1	Giao thông																		
1.1	Dự án chuyển tiếp																		
1	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kế cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XL-ĐQ	Đến 2024	821.892															-
	Trong đó																		-
a	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện				26.102						(14.100)			12.002	-	12.002	-		UBND huyện Xuân Lộc
b	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán thực hiện				59.220					10.300	2.700	1.100		73.320	10.300	61.920	1.100		UBND huyện Định Quán
2	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (kế cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	tối đa 5 năm	782.991															-
	Trong đó																		-
a	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện				29.986	7.262	22.724				(20.000)			9.986	7.262	2.724	-		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
3	Xây dựng cầu Vân Cút trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	tối đa 5 năm	387.019	10.049		10.049				1.250			11.299	-	11.299	-		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
4	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hòa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	tối đa 5 năm	1.340.000	50.000		50.000				(10.000)			40.000	-	40.000	-		UBND thành phố Biên Hòa
5	Dự án đường ven Sông Cầu từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 6 năm	573.905	70.000		70.000			1.677	1.602			73.279	1.677	71.602	-		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
6	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thông Nhắt	TN	tối đa 3 năm	59.085															-
	Trong đó:																		-
a	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thông Nhắt do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện (kế cả chi phí giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Thông Nhắt và Cẩm Mỹ)				1.000	1.000					(4.028)			1.000	1.000	-	-		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
b	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện xây dựng đường Sông Nhạn -Dầu Giây, đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thông Nhắt do UBND huyện Cẩm Mỹ làm chủ đầu tư.				4.028		4.028							-	-	-	-		UBND huyện Cẩm Mỹ
7	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bưu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp, khoảng 52,7 tỷ)	BH	đến 2024	88.609	20.000		20.000			(13.700)				6.300	6.300	-	-		UBND thành phố Biên Hòa
8	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25 C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhơn Trạch (trước đây là Đường 25C huyện Nhơn Trạch, đoạn còn lại)	NT	tối đa 5 năm	1.264.000	175.443	85.643	89.800			35.000				210.443	120.643	89.800	-		UBND huyện Nhơn Trạch
9	Dự án Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm	120938	22.000	6.000	16.000				4.000			26.000	6.000	20.000	-		UBND huyện Tân Phú
10	Đường án 4 xã Sông Nhạn đi xã lộ 25, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	41.963	27.000	17.000		10.000			(1.700)			25.300	17.000	-	8.300		UBND huyện Cẩm Mỹ
11	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 4 năm	113.620	48.500		34.500	14.000			1.500			50.000	-	36.000	14.000		UBND thành phố Long Khánh
12	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang), huyện Nhơn Trạch (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	639.039	150.000		-			(35.000)				115.000	115.000	-	-		UBND huyện Nhơn Trạch
13	Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP - Long Khánh (NST100%)	CM-LK	tối đa 4 năm	462.174															-
	trong đó																		-
a	Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP - Long Khánh				50.000		50.000				3.500			53.500	-	53.500	-		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
b	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện đường Xuân Quế đi Long Khánh, đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ			53.052	53.052		53.052				(22.682)			30.370	-	30.370	-		UBND huyện Cẩm Mỹ
14	Mở rộng đường Lê Duẩn (NST hỗ trợ 50% chi phí xây lắp)	L.T	tối đa 4 năm	1.025.644	30.000	30.000				(30.000)				-	-	-	-		UBND huyện Long Thành
15	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), NST100%	XL	tối đa 4 năm	116.110	29.470	8.520	20.950				424			29.894	8.520	21.374	-		UBND huyện Xuân Lộc

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến T07.2024	trong đó				Điều chỉnh tăng/giảm				Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	trong đó				Chủ đầu tư
						NSST	Đất	XSKT (kể cả kết dư và thu vượt)	TW	NSST	Đất	XSKT (kể cả kết dư và thu vượt)	TW		NSST	Đất	XSKT (kể cả kết dư và thu vượt)	TW	
1	2	3	4	5	6	7	8	9		10	11			12	13	14	15		16
16	Cải tạo nâng cấp đường DT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường DT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư), gồm chi phí bồi thường cho huyện Vĩnh Cửu thực hiện	VC	tối đa 5 năm	671.200										1.500	-	1.500	-		
	Trong đó																		
a	Cải tạo nâng cấp đường DT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường DT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện				3.000		3.000				(1.500)								
17	Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú (NST.100%)	TP	tối đa 4 năm	129.943	30.000	30.000					25.000			55.000	30.000	25.000	-		
L2	Lập thiết kế bản vẽ thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng																		
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông Cải tạo từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	3.247.000	10.000	10.000			21.390	22.610	31.700			85.700	31.390	22.610	31.700		
2	Đường Vành đai thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	DQ	tối đa 4 năm	238.884	50.000	50.000			(40.300)					9.700	9.700	-	-		
3	Đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 4 năm	189.220	10.000	10.000			(7.690)					2.310	2.310	-	-		
4	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú (NST 50%)	XL	tối đa 4 năm	359.627	50.000		20.000	30.000		(424)	(30.000)			19.576	-	19.576	-		
5	Đường Bùi Thị Xuân, huyện Long Thành (NST.100%)	LT	tối đa 4 năm	297.414	60.753	60.753			30.000	4.176				94.929	30.000	64.929	-		
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh DT. 774B (Tà Lài - Trá Cỏ) (NST.100%)	TP-DQ	tối đa 4 năm	852.060	8.000		8.000			(2.000)				6.000	-	6.000	-		
7	Dự án Khu tái định cư tại phường Tân Phước, thành phố Biên Hòa (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	Tối đa 04 năm	717.500	6.004		6.004			492				6.496	-	6.496	-		
8	Nâng cấp đường 258 đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NST.100%)	LT-NT	tối đa 4 năm	1.493.043	239.461		37.781	201.680		18.750				258.211	-	56.531	201.680		
9	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán	DQ	tối đa 4 năm		20.000			20.000	20.000					40.000	20.000	-	20.000		
II	Cấp nước, thoát nước																		
II.1	Lập thiết kế bản vẽ thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng																		
1	Dự án xây dựng tuyến thoát nước mưa từ khu dân cư Kim Oanh qua khu tái định cư Bình Sơn ra suối Ông Trừ tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (NST 50%, phần còn lại do Công ty CPĐTPT Thuận Lợi 50%)	LT	tối đa 4 năm	78.415	5.000		5.000			(3.876)				1.124	-	1.124	-		
2	Dự án Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ ra Suối Cỏ, huyện Cẩm Mỹ	CM	2023-2026	102.963	1.000		1.000			400				1.400	-	1.400	-		
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																		
III.1	Dự án chuyển tiếp																		
2	Hỗ chữa nước Cà Ròn xã Gìn Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	DQ	Đến 2024	454.601	18.000	18.000			10.000					28.000	28.000	-	-		
6	Trạm bơm Đắc Lúa	TP	2020-2024	159.086	45.000	6.000	39.000			(30.500)				14.500	6.000	8.500	-		
7	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm	134.445	40.000	30.000	10.000			10.000				50.000	30.000	20.000	-		
8	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Sông Mây, huyện Trảng Borm	TB	tối đa 3 năm	59.738	30.000	20.000	10.000			6.000				36.000	20.000	16.000	-		
III.2	Dự án khởi công mới																		
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Già Ui, huyện Xuân Lộc (bao gồm hoàn trả vốn ứng trước)	XL	2022-2025	89.774	10.000	10.000				14.500				24.500	10.000	14.500	-		
IV	An ninh và trật tự, an toàn xã hội																		
IV.1	Dự án chuyển tiếp																		
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	Đến 2024	654.000	165.000	110.000	55.000			(10.000)				155.000	110.000	45.000	-		
2	Nhà tạm giữ công an huyện Xuân Lộc (NST.100%)	XL	tối đa 3 năm	36.000	20.000	2.300	17.700			5.000				25.000	2.300	22.700	-		
3	Xây dựng cơ sở làm việc của lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy thuộc Công an tỉnh	LT	Tối đa 3 năm	59.375	10.000		10.000			5.000				15.000	-	15.000	-		
V	Y tế																		
V.1	Dự án chuyển tiếp																		
1	Xây dựng mới Trạm y tế xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.200	5.000			5.000		750				5.750	-	5.750	-		
2	Xây dựng mới Trạm y tế xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	13.900	5.000			5.000		350				5.350	-	5.350	-		
3	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.900	5.000			5.000		1.400				6.400	-	6.400	-		
4	Cải tạo, sửa chữa 03 Trạm Y tế tại xã Phú Ngọc, xã Túc Trừng, xã Gìn Canh huyện Định Quán	DQ	tối đa 3 năm	9.998	6.000			6.000		(1.100)				4.900	-	-	4.900		

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2024 điều chỉnh đến 10/7/2024	trong đó				Điều chỉnh tăng/giảm				Kế hoạch 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	trong đó				Chịu đầu tư
						NSTT	Đất	XS/KT (kế cả kết dư và thu vượt)	TW	NSTT	Đất	XS/KT (kế cả kết dư và thu vượt)	TW						
													NSTT		Đất				
1	Dự án khởi công mới	3	4	5	6	7	8	9		10	11		12	13	14	15		16	
V.2	Dự án Nâng cấp và cải tạo Trạm y tế thị trấn Định Quán																		
1	Dự án Nâng cấp và cải tạo Trạm y tế thị trấn Định Quán huyện Định Quán	ĐQ		6.042	3.000		3.000				(2.700)			300	-	300	-	UBND huyện Định Quán	
2	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Hiệp huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	12.440	2.000		2.000					500		2.500	-	2.000	500	UBND huyện Xuân Lộc	
3	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Giã Ray huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	7.863	2.000		2.000					500		2.500	-	2.000	500	UBND huyện Xuân Lộc	
4	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Quế huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	10.180	2.000			2.000				(1.560)		440	-	-	440	UBND huyện Cẩm Mỹ	
5	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Thủa Đức huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	10.846	2.000			2.000				(1.840)		160	-	-	160	UBND huyện Cẩm Mỹ	
VI	Công nghệ thông tin (chuyển đổi số)																		
VI.1	Dự án khởi công mới																		
1	Dự án Xây dựng phần mềm quản lý đầu tư công và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	BH	tối đa 3 năm	17.446	4.500		4.500				150			4.650	-	4.650	-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
C2	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư (nguồn ngân sách tỉnh)																		
1	Dự án Chính trang đồ thị, kế hoạch, báo cáo và kiến nghị hồ sơ Rất thành phố Long Khánh (Ngân sách thành phố Long	LK	tối đa 4 năm	488.722	500		500				(500)			-	-	-	-	UBND thành phố Long Khánh	
2	Đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh (NST 100%) Khánh khoảng 15 tỷ xây dựng đường nội bộ)	LK	tối đa 4 năm	1.858.000	1.000		1.000				(1.000)			-	-	-	-	UBND thành phố Long Khánh	
3	Đầu tư xây dựng đường 25C Đoàn tử đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liên Cảng (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	875.780	2.000	2.000				(1.677)				323	323	-	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
4	Dự án Đường Lỗ Gạch - cầu Nước Trong (từ Quốc lộ 51 đến khu công nghiệp Long Đức) (nguồn đầu tư đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT	tối đa 4 năm	753246	300		300				(300)			-	-	-	-	UBND huyện Long Thành	
5	Dự án Nâng cấp, mở rộng huyện đường ĐT 773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long	CM-XL- LT	tối đa 6 năm	4.311.410	1.920		1.920				(1.602)			318	-	318	-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
6	Dự án chỉnh trang đô thị, xây kế bảo vệ nguồn nước đầu nguồn hồ Núi Lẻ, huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 4 năm	287.180	1.000		1.000				(1.000)			-	-	-	-	UBND huyện Xuân Lộc	
7	Dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Hạ tầng Khu tái định cư 49/32 ha phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 06 năm	1.719.649	492		492				(492)			-	-	-	-	Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phong mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh	
8	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Long Giao huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm		100			100			(100)			-	-	-	-	UBND huyện Cẩm Mỹ	
9	Đường Thửa Đức di thị xã Long Khánh	CM	tối đa 4 năm	789.562	100						(100)			-	-	-	-	UBND huyện Cẩm Mỹ	
10	Đường Xuân Đường - Thửa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	780.898	100			100			(100)			-	-	-	-	UBND huyện Cẩm Mỹ	
11	Dự án Xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Đồng Nai	BH	tối đa 03 năm	4.460	150		150				(150)			-	-	-	-	Sở Tư pháp	

Phụ lục I.11

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ

(Kèm theo Tờ trình số 199 /TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Chủ đầu tư	Tổng kế hoạch	Trong đó		Tổng giải ngân	Trong đó		Tỷ lệ giải ngân đến 31/10/2024 (%)
			Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2023 kéo dài		Giải ngân kế hoạch 2024	Giải ngân kế hoạch 2023 kéo dài	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=6/3
	TỔNG CỘNG	13.673.865	9.539.839	4.134.026	6.212.035	4.059.989	2.152.046	45,43%
1	Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai	5.000	5.000	0	0	0	0	0,00%
2	Sở Thông tin và Truyền thông	350	350	0	0	0	0	0,00%
3	Chi cục Kiểm lâm	288	0	288	0	0	0	0,00%
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	8.452	0	8.452	0	0	0	0,00%
5	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	305.796	0	305.796	0	0	0	0,00%
6	Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai	10.000	10.000	0	0	0	0	0,00%
7	Sở Tư pháp	150	150	0	0	0	0	0,00%
8	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai	333	333	0	0	0	0	0,00%
9	UBND huyện Vĩnh Cửu	225.355	224.110	1.245	7.880	7.280	600	3,50%
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.000	2.000	0	108	108	0	5,39%
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4.500	4.500	0	342	342	0	7,60%
12	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	9.890	2.169	7.721	1.401	0	1.401	14,16%
13	UBND huyện Thống Nhất	235.252	131.200	104.052	36.684	11.344	25.339	15,59%
14	Công an tỉnh Đồng Nai	728.643	639.174	89.469	118.878	56.117	62.762	16,32%
15	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.109.085	321.924	787.161	282.507	117.227	165.280	25,47%
16	UBND huyện Trảng Bom	123.806	60.130	63.676	40.887	29.572	11.315	33,03%
17	UBND huyện Xuân Lộc	114.802	114.802	0	40.160	40.160	0	34,98%
18	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	162.824	162.824	0	58.533	58.533	0	35,95%
19	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	2.036.365	2.016.900	19.465	743.927	735.237	8.689	36,53%
20	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	683.444	101.774	581.670	253.068	0	253.068	37,03%
21	Bệnh viện quân y 7B	10.000	10.000	0	3.922	3.922	0	39,22%
22	UBND huyện Định Quán	193.807	171.920	21.887	85.188	84.032	1.155	43,95%
23	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai	15.000	15.000	0	6.650	6.650	0	44,34%
24	Văn phòng Tỉnh ủy	209	209	0	96	96	0	45,98%
25	UBND huyện Long Thành	4.003.572	2.236.414	1.767.158	2.068.561	818.700	1.249.861	51,67%
26	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	166.625	155.000	11.625	89.103	79.824	9.279	53,48%
27	UBND thành phố Biên Hoà	495.211	489.225	5.986	272.723	267.559	5.163	55,07%
28	UBND huyện Cẩm Mỹ	116.752	116.752	0	64.817	64.817	0	55,52%
29	UBND huyện Nhơn Trạch	1.006.457	998.354	8.103	639.656	631.554	8.103	63,56%
30	UBND huyện Tân Phú	133.200	133.200	0	89.430	89.430	0	67,14%
31	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	8.980	8.980	0	6.232	6.232	0	69,40%
32	UBND thành phố Long Khánh	369.324	369.324	0	263.302	263.302	0	71,29%
33	Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh	1.377.315	1.027.721	349.594	1.028.074	678.481	349.594	74,64%
34	Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi	10.343	10.000	343	9.212	9.111	101	89,07%
35	Sở Xây dựng	400	400	0	359	359	0	89,68%
36	Sở Y tế	336	0	336	336	0	336	100,00%

Phụ lục II
TỔNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 199 /TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2025	trong đó	
			Nguồn vốn NST	Nguồn vốn NSH
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	15.334.392	11.395.892	3.938.500
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.018.410	8.079.910	3.938.500
1	Vốn ngân sách tập trung	4.518.410	2.461.690	1.865.300
a)	Ngân sách tỉnh, trong đó:	2.461.690	2.461.690	
-	Phân bổ chi tiết	2.361.690	2.361.690	
-	Hỗ trợ xã hội hóa cho cấp huyện	100.000	100.000	
b)	Vốn ngân sách huyện	1.865.300		1.865.300
c)	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	191.420		191.420
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (gồm 7.500 tỷ đồng được giao từ đầu kỳ trung hạn và 3.100 tỷ bổ sung trong kỳ trung hạn)	3.450.000	2.310.220	1.139.780
a)	Hình thành nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh (kể cả chi đầu tư phát triển khác; hỗ trợ bổ sung cho huyện Tân Phú, Định Quán thanh toán các dự án đạt tiêu chí nông thôn mới)	626.520	426.520	200.000
-	Phân bổ chi tiết	352.520	352.520	
-	Phân bổ chi đầu tư phát triển khác	74.000	74.000	
-	Hỗ trợ nông thôn mới cho cấp huyện	200.000		200.000
b)	Hình thành nguồn thu tại ngân sách tỉnh	1.883.700	1.883.700	
c)	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	939.780		939.780
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.050.000	1.308.000	742.000
a)	Ngân sách tỉnh	1.308.000	1.308.000	
	trong đó			
-	Phân bổ chi tiết	1.208.000	1.208.000	
-	Hỗ trợ xã hội hóa cho cấp huyện	100.000	100.000	
b)	Vốn ngân sách huyện	634.000		634.000
c)	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	108.000		108.000
4	Bội chi ngân sách địa phương	2.000.000	2.000.000	
B	NGUỒN VỐN BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025	0	0	
1	Nguồn khai thác đấu giá đất			

Phụ lục II.1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số 199 /TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2025						Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	Đất đầu giá	XSKT	Bội chi		
	Tổng số				2.361.690	352.520	1.883.700	1.208.000	2.000.000		
A	Thực hiện dự án				2.347.166	318.078	1.341.779	986.458	964.224	-	
I	Giao thông									-	
I.1	Dự án chuyển tiếp										
1	Nâng cấp hạ tầng khu hành chính huyện Long Thành (5 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng)	LT	2017-2025	514.738	29.610					UBND huyện Long Thành	
2	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XL-ĐQ	2019-2025	886.629					0-	-	
	Trong đó									-	
a	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện				2.000					UBND huyện Xuân Lộc	
3	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	2020-2025	783.000						-	
	Trong đó									-	
a	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện				30.000					Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
b	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố thực hiện				8.000					UBND thành phố Biên Hòa	
4	Xây dựng cầu Vàm Cai Sứt trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	2020-2025	494.600	3.750					Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
5	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	tối đa 5 năm	1.340.000	100.000					UBND thành phố Biên Hòa	
6	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đăng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	tối đa 5 năm	1.146.000		10.000				Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	
7	Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	2021-2025	614.100		15.000				UBND thành phố Biên Hòa	
8	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	110.330	30.000					UBND huyện Trảng Bom	
9	Dự án đường ven Sông Cai từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 6 năm	573.905	116.721					Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2025						Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	Đất đầu giá	XSKT	Bội chi		
10	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1), huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch	LT-NT	2022-2025	647.061						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
	trong đó										
a	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1), huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch								50.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
b	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1), huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch, do Nhơn Trạch thực hiện bồi thường								384.224	UBND huyện Nhơn Trạch	
11	Dự án Mở rộng đường Lý Thái Tổ, huyện Định Quán (ngân sách tỉnh 50%)	ĐQ	tối đa 5 năm	124.000	22.000					UBND huyện Định Quán	
12	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất	TN	tối đa 3 năm	59.200						-	
	Trong đó:									-	
a	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất do UBND huyện Cẩm Mỹ thực hiện bồi thường					4.028				UBND huyện Cẩm Mỹ	
13	Dự án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), thị trấn Trảng Bom (ngân sách tỉnh 50%)	TB	tối đa 3 năm	68.022	4.500					UBND huyện Trảng Bom	
14	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp, khoảng 52,7 tỷ)	BH	2021-2025	137.732	31.000					UBND thành phố Biên Hòa	
15	Dự án Đường tránh ngã tư Dầu Giây, huyện Thống Nhất (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	tối đa 5 năm	99.244	30.000					UBND huyện Thống Nhất	
16	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25 C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhơn Trạch (trước đây là Đường 25C huyện Nhơn Trạch, đoạn còn lại)	NT	tối đa 5 năm	1.264.000				70.000		UBND huyện Nhơn Trạch	
17	Dự án Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm	150.135		34.000				UBND huyện Tân Phú	
18	Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú (NST100%)	TP	tối đa 4 năm	193.435	28.949					UBND huyện Tân Phú	
19	Đường song hành Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km0+195 đến Km1+795), huyện Thống Nhất (NST100%)	TN	Tối đa 4 năm	199.000		25.000				UBND huyện Thống Nhất	
20	Đường song hành Quốc lộ 1, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km1830+820 đến Km1832+400), huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 4 năm	183.000	4.500	26.000				UBND huyện Thống Nhất	
21	Mở rộng mặt đường, bố trí làn xe chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm bên xe Long Khánh và điểm công viên tương đối), thành phố Long Khánh (ngân sách thành phố Long Khánh thực hiện bồi thường)	LK	tối đa 4 năm	212.400	25.000					UBND thành phố Long Khánh	
22	Đường ấp 4 xã Sông Nhạn đi xã lộ 25, huyện Cẩm Mỹ	CM	2022-2025	41.981	3.400					UBND huyện Cẩm Mỹ	

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2025						Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	Đất dầu giá	XSKT	Bội chi		
1	Xây dựng mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Tân Phú (ngân sách tỉnh hỗ trợ 20 tỷ theo tiến độ phê duyệt của Trung ương từ 2023-2025, phần còn lại từ ngân sách trung ương)	TP	Tối đa 3 năm	38.300		15.000					Tòa án nhân dân tỉnh
2	Dự án Xây dựng mới Nhà khách Tỉnh ủy Đồng Nai	BH	2022-2025	35.980		13.363					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Xây dựng mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu (ngân sách tỉnh hỗ trợ 20 tỷ theo tiến độ phê duyệt của Trung ương từ 2023-2025, phần còn lại từ ngân sách trung ương)	VC	Tối đa 3 năm	37.800		15.000					Tòa án nhân dân tỉnh
5	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	17.850	10.000						Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II.2	Dự án khởi công mới										
1	Dự án Xây dựng Trung tâm hành chính công thành phố Long Khánh (bao gồm hoàn vốn ứng trước)	LK	Tối đa 4 năm	132.000	10.000						UBND thành phố Long Khánh
III	Công trình công cộng tại các đô thị										-
III.1	Dự án chuyển tiếp										-
1	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	VC	2017-2025	182.000	7.000						UBND huyện Vĩnh Cửu
IV	Cấp nước, thoát nước										-
IV.1	Dự án chuyển tiếp										-
1	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	BH	2017-2025	267.620							-
	Trong đó:										-
a	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư	BH			27.282						Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện	BH			4.400						UBND thành phố Biên Hòa
2	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT	2020-2025	584.830	4.758						Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTGPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	theo tiến độ Hiệp định	6.610.252	12.000						Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Hệ thống thoát nước ấp Tân Đạt, Tân Phát, xã Dồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	88.920	32.345						UBND huyện Trảng Bom
4	Dự án xây dựng tuyến thoát nước mưa từ khu dân cư Kim Oanh qua khu tái định cư Bình Sơn ra suối Ông Trữ tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (NST 50%, phần còn lại do Công ty CPĐTPT Thuận Lợi 50%)	LT	tối đa 4 năm	91.426	43.276						UBND huyện Long Thành
5	Trạm bơm áp 5 xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	41.923	23.611						UBND huyện Tân Phú
IV.2	Lập thiết kế bản vẽ thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng										
1	Dự án Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ ra Suối Cà, huyện Cẩm Mỹ	CM	2023-2026	102.963		2.600					UBND huyện Cẩm Mỹ

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2025						Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	Đất đầu giá	XSKT	Bội chi		
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									-	
V.1	Dự án chuyển tiếp										
1	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	2020-2025	454.601	50.680						UBND huyện Định Quán
2	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai: đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa- dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXL.NT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA	BH	2017-2025	373.172						-	
	Trong đó:									-	
a	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai: đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa				8.558						Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cài (Ngân sách thành phố Long Khánh chi bồi thường)	LK	2020-2025	544.659	15.000						UBND thành phố Long Khánh
4	Trạm bơm Đắc Lua	TP	2020-2025	131.058	20.000						Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
5	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú	TP	2022-2025	134.455	16.000						Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
6	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom	TB	2023-2025	59.770							Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
7	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Uì, huyện Xuân Lộc	XL	2022-2025	89.774	20.000						Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
8	Dự án Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Kỳ (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch (ngân sách huyện Nhơn Trạch thực hiện bồi thường)	NT	2022-2025	207.315	7.000						UBND huyện Nhơn Trạch
9	Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Trạm xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến cầu An Hào phường An Bình thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 4 năm	201.643	24.492						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Gia cố bờ sông Đồng Nai, đoạn qua khu vực xã Tân An và Thiên Tân (khu vực chứa Phổ Đà và đĩnh công Tân An), huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 4 năm	144.632	40.000						UBND huyện Vĩnh Cửu
V.2	Lập thiết kế bản vẽ thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng										
1	Nạo vét Suối Sắn Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH	tối đa 4 năm	376.999				50.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án Hệ thống thoát nước chống ngập úng xung quanh Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Long Thành	L.T	Tối đa 4 năm	92.987	22.000						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
VI	An ninh và trật tự, an toàn xã hội									-	
VI.1	Dự án chuyển tiếp										
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2025	654.000	200.709						Công an tỉnh Đồng Nai

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2025						Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	Đất đấu giá	XSKT	Bội chi		
2	Nhà tạm giữ công an huyện Xuân Lộc (NST100%)	XL	tối đa 3 năm	36.000	10.347						Công an tỉnh Đồng Nai
3	Dự án đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021-2025	ĐN	tối đa 5 năm	988.000	200.000	0				0	Công an tỉnh Đồng Nai
4	Xây dựng Đồn Công an cảng hàng không quốc tế Long Thành	L.T	Tối đa 3 năm	44.900	25.000						Công an tỉnh Đồng Nai
5	Xây dựng cơ sở làm việc của lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy thuộc Công an tỉnh	L.T	Tối đa 3 năm	59.385	40.000						Công an tỉnh Đồng Nai
VII	Quốc phòng										-
VII.1	Dự án chuyển tiếp										-
1	Dự án Quốc phòng ĐA2 (Dự án mật) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐN	Tối đa 05 năm	125.000	11.296						Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
2	Dự án V1	ĐN	Tối đa 04 năm	536.700			203.000	194.000			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
4	Dự án Xây dựng bổ sung một số công trình của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai (bao gồm hoàn vốn ứng trước)	BH	Tối đa 4 năm	221.102	87.107						Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
VII.2	Dự án khởi công mới										
1	Dự án SCH (bao gồm hoàn vốn ứng trước)	ĐN	Tối đa 04 năm	170.200	90.000						Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
VIII	Môi trường										-
VIII.1	Dự án chuyển tiếp										
1	Dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát)	BH	2021-2025	109.175	5.307						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án Gia cố sát lở bờ sông Đồng Nai đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TP	2022-2025	62.677	10.000						Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
VIII.2	Lập thiết kế bản vẽ thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng										
1	Dự án nạo vét và kè 2 bờ suối Reo (kênh thoát nước 5 xã Kiệm Tân), huyện Thống Nhất	TN	tối đa 4 năm	299.854	11.000		110.000				UBND huyện Thống Nhất
IX	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp										
IX.1	Dự án chuyển tiếp										
1	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	42.911				13.417			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Xây dựng mới Trường THPT Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 4 năm	170.514				40.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
X	Công nghệ thông tin (chuyển đổi số)										
X.1	Dự án chuyển tiếp										
1	Dự án Xây dựng phần mềm quản lý đầu tư công và kế hoạch lựa chọn nhà thầu	BH	Tối đa 03 năm	17.446		5.000					Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Dự án Xây dựng Trung tâm điều hành tác chiến quản lý an ninh trật tự	ĐN	Tối đa 04 năm	796.921	250.000						Công an tỉnh Đồng Nai
3	Dự án Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giai đoạn 2023 - 2028 (bao gồm hoàn vốn ứng trước)	BH	Tối đa 04 năm	120.000				70.000			Sở Thông tin và Truyền thông

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2025					Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	Đất đầu giá	XSKT	Bội chi	
X.2	Dự án khởi công mới									
1	Dự án Đầu tư Hệ thống bộ đàm công nghệ số Công an tỉnh Đồng Nai	ĐN	Tối đa 03 năm			15.000				Công an tỉnh Đồng Nai
2	Dự án Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh	BH	Tối đa 03 năm	14.975		12.000				Sở Xây dựng
XI	Y tế									
XI.1	Dự án chuyển tiếp									
1	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Định huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	13.050				4.500		UBND huyện Xuân Lộc
2	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Hiệp huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	12.440				4.600		UBND huyện Xuân Lộc
3	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Gia Ray huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	9.600				3.700		UBND huyện Xuân Lộc
4	Dự án Xây dựng Trạm Y tế xã Lộ 25, huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	8.582				5.400		UBND huyện Thống Nhất
5	Dự án Nâng cấp và cải tạo Trạm y tế xã Phú Cường huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 3 năm	6.055				2.400		UBND huyện Định Quán
6	Dự án Nâng cấp và cải tạo Trạm y tế thị trấn Định Quán huyện Định Quán	ĐQ	Tối đa 3 năm	6.042				2.300		UBND huyện Định Quán
7	Dự án Xây mới Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 4 năm	467.563				50.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa	BH	2020-2025	11.940				370		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Trạm Y tế xã Bảo Quang - thị xã Long Khánh	LK	2019-2025	11.597				528		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	2019-2025	30.648				3.900		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
11	Trạm Y tế Phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa.	BH	2021-2025	8.544				1.400		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
12	Xây mới Khối 2 tầng Trung tâm y tế huyện Long Thành	LT	2021-2025	12.611				1.700		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
13	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	2021-2025	92.447				2.200		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
14	Xây dựng mới Trạm y tế xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	11.763				5.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
15	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Thửa Đức huyện Cẩm Mỹ	CM	03 năm	10.846				6.840		UBND huyện Cẩm Mỹ
16	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Đường huyện Cẩm Mỹ	CM	03 năm	8.730				5.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
17	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Quế huyện Cẩm Mỹ	CM	03 năm	10.180				6.560		UBND huyện Cẩm Mỹ
18	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Sông Nhạn huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	9.769				5.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
19	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Quảng Tiến huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	7.696				3.680		UBND huyện Trảng Bom

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2025					Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	Đất đầu giá	XSKT	Bội chi	
20	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Tây Hòa huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	8.782				4.500		UBND huyện Trảng Bom
21	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Đông Hòa huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	8.264				4.100		UBND huyện Trảng Bom
22	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Sông Thao huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	7.852				3.700		UBND huyện Trảng Bom
23	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Sông Trầu huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	7.779				3.663		UBND huyện Trảng Bom
24	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Cây Gáo huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	7.328				3.312		UBND huyện Trảng Bom
25	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Hưng Thịnh huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	9.284				4.700		UBND huyện Trảng Bom
26	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bình Minh huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	6.966				2.999		UBND huyện Trảng Bom
27	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế thị trấn Trảng Bom huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	899				60		UBND huyện Trảng Bom
28	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Hố Nai 3 huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	996				170		UBND huyện Trảng Bom
29	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã An Viễn huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	1.061				160		UBND huyện Trảng Bom
30	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Đồi 61 huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	1.416				120		UBND huyện Trảng Bom
31	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Bắc Sơn huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	893				60		UBND huyện Trảng Bom
32	Xây dựng Trạm Y tế xã Gia Tân 2 huyện Thống Nhất	TN	tối đa 3 năm	6.372				4.100		UBND huyện Thống Nhất
33	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Gia Tân 3 huyện Thống Nhất	TN	tối đa 3 năm	1.689				900		UBND huyện Thống Nhất
34	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Gia Kiêm huyện Thống Nhất	TN	tối đa 3 năm	1.225				700		UBND huyện Thống Nhất
35	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Xuân Thiên huyện Thống Nhất	TN	tối đa 3 năm	2.266				1.100		UBND huyện Thống Nhất
36	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bình Sơn huyện Long Thành	L.T	tối đa 3 năm	10.204				2.516		UBND huyện Long Thành
37	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Tam An huyện Long Thành	L.T	tối đa 3 năm	9.176				3.000		UBND huyện Long Thành
38	Cải tạo, sửa chữa 07 Trạm y tế xã Cẩm Đường, xã Bàu Cạn, xã Tân Hiệp, xã Phước Bình, xã Phước Thái, xã An Phước, xã Long Phước huyện Long Thành	L.T	tối đa 3 năm	19.741				9.710		UBND huyện Long Thành
39	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Long Tân huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 3 năm	8.405				2.800		UBND huyện Nhơn Trạch
40	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Hiệp Phước huyện Nhơn Trạch (đối ứng vốn chương trình phục hồi kinh tế)	NT	tối đa 3 năm	10.504				4.600		UBND huyện Nhơn Trạch
41	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phước Thiển huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 3 năm	10.525				4.300		UBND huyện Nhơn Trạch
42	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Diên huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	9.283				6.200		UBND huyện Tân Phú

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2025						Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	Đất đấu giá	XSKT	Bội chi		
XI.2	Dự án khởi công mới										
1	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Bắc huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	10.730				4.000		UBND huyện Xuân Lộc	
2	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Bảo Hòa huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	12.060				4.000		UBND huyện Xuân Lộc	
3	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Tân Hòa thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	5.115				4.000		UBND thành phố Biên Hòa	
4	Xây dựng Trạm Y tế phường Tân Hiệp thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	7.249				5.500		UBND thành phố Biên Hòa	
5	Dự án Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phú Thanh huyện Tân Phú	TP	tối đa 03 năm	7.870				4.600		UBND huyện Tân Phú	
6	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú	TP	tối đa 3 năm	8.539				7.800		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
7	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Bửu Hòa thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	6.010				3.300		UBND thành phố Biên Hòa	
XII	Văn hóa - xã hội										
XII.1	Dự án chuyển tiếp										
1	Dự án trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, camera, sản xuất chương trình cho 02 studio truyền hình (Studio 3 và 4) (ngân sách tính 20 tỷ đồng)	BH	Tối đa 3 năm	25.443				15.000		Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai	
XII.2	Dự án khởi công mới										
1	Dự án Trùng tu, tôn tạo di tích đền thờ Quốc tử Hùng Vương, xã Phú Sơn, huyện Tân Phú (kể cả hoàn vốn ứng trước)	TP	Tối đa 3 năm	7.340				6.000		UBND huyện Tân Phú	
XIII	Bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch (kể cả các dự án thuộc giai đoạn 2016-2020)				29.399			20.000		-	
B	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư				0	20.753	0	650	0		
1	Dự án tuyển thu gom về trạm xử lý nước thải số 1, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	99.570		500				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Dự án xây dựng cầu thay phà cát lái theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT	NT				2.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
3	Dự án nâng cấp mở rộng đường Ngô Quyền, thành phố Long Khánh (02 khu đất khoảng 42ha trên đường Ngô Quyền, thành phố Long Khánh)	LK	Tối đa 4 năm	462.931		1.000				UBND thành phố Long Khánh	
4	Dự án xây dựng tuyến đường D5, đường N3 thuộc Hạ tầng Trung tâm xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu (01 khu đất khoảng 39,863ha trên địa bàn huyện)	VC	Tối đa 4 năm	296.405		500				UBND huyện Vĩnh Cửu	
5	Dự án Đường Vành đai thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu (02 khu đất khoảng 111,3ha trên địa bàn huyện)	VC	Tối đa 4 năm	1.056.000		1.500				UBND huyện Vĩnh Cửu	
6	Xây dựng các tuyến đường trong nội bộ Khu 1 - Khu 66 thị trường mại dịch vụ Biên Hòa 1	BH	Tối đa 04 năm	318.138		1.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2025						Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	Đất đầu giá	XSKT	Bội chi		
7	Dự án xây dựng, cải tạo một số tuyến đường đảm bảo tổ chức giao thông tại vị trí giao cắt giữa đường ven sông Cái với đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh	BH	2023-2026	187.507		100					UBND thành phố Biên Hòa
8	Dự án Đường Lò Gạch - cầu Nước Trong (từ Quốc lộ 51 đến khu công nghiệp Long Đức) (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT	Tối đa 4 năm	753.246		100					UBND huyện Long Thành
9	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Sông Thao - Bàu Hầm, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	tối đa 4 năm	213.050		400					UBND huyện Trảng Bom
10	Đường từ núi giao Vườn Mít đến đường Vô Thị Sáu, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	1.545.000		100					UBND thành phố Biên Hòa
11	Xây dựng hầm chui qua cầu Hóa An để nối đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 4 năm	310.000		500					UBND thành phố Biên Hòa
12	Nâng cấp đường Xuân Bắc - Thanh Sơn đoạn từ Km2+100-Km18+100 và đoạn từ km33+783 (cầu số 2) đến Km54+183), huyện Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu (NST100%)	XL-ĐQ-VC	tối đa 4 năm	935.910		2.000					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
13	Đầu tư xây dựng đường 25C Đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liên Càng (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	875.780		2.500					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
14	Đường Trảng Bom - Thanh Bình, huyện Trảng Bom, NST 100%	TB	2022-2025	1.039.494		900					UBND huyện Trảng Bom
15	Đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 4 năm	1.858.000		500					UBND thành phố Long Khánh
16	Đường Xuân Đường - Thửa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	780.898		100					UBND huyện Cẩm Mỹ
17	Dự án chỉnh trang lát gạch vỉa hè, trồng cây xanh, xây hào kỹ thuật dọc Quốc lộ 20, huyện Thống Nhất (ngân sách tỉnh 50% tổng mức đầu tư)	TN	2023-2026	308.491		500					UBND huyện Thống Nhất
18	Dự án chỉnh trang đô thị, xây kè bảo vệ nguồn nước đầu nguồn hồ Núi Le, huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 4 năm	287.180		500					UBND huyện Xuân Lộc
19	Dự án xây dựng kiên cố hóa đoạn từ lý trình Km6+692 đến lý trình Km8+592 tuyến kênh T0 và đoạn từ lý trình Km0+108 đến lý trìnhKm1+077 tuyến kênh T2 suối Nước Trong, huyện Long Thành	LT	Tối đa 4 năm	150.000		400					Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
20	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Tân Trạch, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC	Tối đa 4 năm	504.865		500					UBND huyện Vĩnh Cửu
21	Dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	tối đa 5 năm	459.620		500					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
22	Dự án xây dựng mới đập dâng Long An, huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	43.550		200					Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
23	Dự án Chỉnh trang đô thị, kè bờ, nạo vét và kiên cố hoá Suối Rết, thành phố Long Khánh (Ngân sách thành phố Long Khánh khoảng 15 tỷ xây dựng đường nội bộ)	LK	Tối đa 4 năm	488.722		1.000					UBND thành phố Long Khánh

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2025						Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	Đất đấu giá	XSKT	Bội chi		
24	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	L.T	Tối đa 03 năm	107.180		300					Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
25	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	TB	2022-2025	221.511		1.000					Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
26	Đường Thửa Đức đi thị xã Long Khánh	CM	tối đa 4 năm	789.562		100					UBND huyện Cẩm Mỹ
27	Dự án chống sạt lở tại khu vực dài tương niệm các chiến sỹ đặc công 113 (kể cả hoàn vốn ứng trước)	BH-TB	tối đa 3 năm	37.800		300					Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
28	Dự án Nhà thi đấu đa năng huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	69.800				100			UBND huyện Cẩm Mỹ
29	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Xuân Tân thành phố Long Khánh	LK	Tối đa 3 năm	11.000				50			UBND thành phố Long Khánh
30	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Long Thành huyện Long Thành	L.T	tối đa 3 năm	10.927				100			UBND huyện Long Thành
31	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Long Giao huyện Cẩm Mỹ	CM	03 năm	12.580				100			UBND huyện Cẩm Mỹ
32	Hệ thống thông tin ngành kế hoạch và đầu tư giai đoạn 1 (tư lĩnh vực đầu tư công) (kể cả hoàn vốn ứng trước)	BH		19.759		300					Sở Kế hoạch và Đầu tư
33	Dự án nâng cấp sửa chữa cơ sở 2 trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	12.660				50			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
34	Xây dựng Trạm Y tế phường Trảng Dài thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	10.130				50			UBND thành phố Biên Hòa
35	Xây dựng Trạm Y tế phường Long Bình thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	9.460				50			UBND thành phố Biên Hòa
36	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Bửu Long thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	4.853				50			UBND thành phố Biên Hòa
37	Xây dựng mới Trạm Y tế phường Long Hưng thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	6.116				50			UBND thành phố Biên Hòa
38	Sửa chữa, cải tạo Trạm Y tế phường Tân Vạn thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	2.967				50			UBND thành phố Biên Hòa
39	Dự án Đầu tư thiết bị đầu cuối công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số ngành Y tế Đồng Nai	BH	tối đa 03 năm	24.925		100					Sở Y tế
40	Dự án Triển khai hệ thống Tư vấn khám chữa bệnh từ xa	BH	tối đa 03 năm	20.165		100					Sở Y tế
41	Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai	BH	tối đa 03 năm	15.000		200					Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai
42	Dự án Xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Đồng Nai	BH	tối đa 03 năm	4.460		150					Sở Tư pháp
43	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành (đề án)	CM-XL-L.T	tối đa 6 năm	1.762.000		418					Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
44	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp tuyến đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh (đề án)	ĐQ-TN-CM-LT-LK	tối đa 6 năm	3.341.000		442					Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2025						Chủ đầu tư
					NSTT	Đất	Đất đầu giá	XSKT	Bội chi		
45	Dự án Nâng cấp Hạ tầng Công nghệ thông tin của Sở Công Thương (hoàn vốn ứng trước)	BH	tối đa 03 năm	2.500		43					Sở Công thương
C	Dự phòng bố trí cho các dự án dự kiến hoàn thành thủ tục phê duyệt trước 31/12/2024; bố trí giải phóng mặt bằng; bố trí chuẩn bị đầu tư (Ủy quyền cho UBND tỉnh giao vốn khi đủ điều kiện về hồ sơ)				14.524	13.689	541.921	220.892	1.035.776		
1	Dự án do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai làm chủ đầu tư tại Quyết định số 1633/QĐ-BQP ngày 24/4/2024 của Bộ Quốc phòng	ĐN	Tối đa 04 năm	287.141							Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
2	Tuyến thoát nước hạ lưu đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 4 năm	149.530							UBND huyện Nhơn Trạch
3	Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Đồng Nai	BH	Tối đa 03 năm	20.000							Văn phòng Tỉnh ủy
4	Dự án xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong tại Công viên văn hóa Sông Ray	CM	Tối đa 3 năm	19.840							Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Dự án xây dựng đường dây và trạm biến áp cấp nguồn cho Trụ sở làm việc Bảo Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	1.950							Bảo Đồng Nai
6	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành (đề án)	CM-XL-LT	tối đa 6 năm	1.762.000							Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
7	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp tuyến đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thông Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh (đề án)	ĐQ-TN-CM-LT-LK	tối đa 6 năm	3.341.000							Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
8	Dự án Xây dựng Hạ tầng Khu tái định cư 49,32ha phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa (kế cả hoàn vốn ứng trước)	BH	Tối đa 06 năm	1.127.521							Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh
9	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (giai đoạn 1) (đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai vốn tính đối ứng khoảng 50% chi phí bồi thường đoạn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 24/5/2022; Nghị quyết số 59/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội).	BH-LT	2023-2026	6.012.349							
	Trong đó										
a	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án thành phần 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường bộ Cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu giai đoạn 1 (NST 50% TMDT), đoạn qua địa bàn thành phố Biên Hòa										Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh

Phụ lục II.2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN PHÂN CẤP ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

(Kèm theo Tờ trình số 199 /Tr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Phân bổ nguồn vốn đầu tư công cấp huyện năm 2025						
		Tổng số	Nguồn vốn ngân sách tập trung	Nguồn vốn ngân sách tập trung hỗ trợ mục tiêu	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	Nguồn vốn xổ số kiến thiết hỗ trợ mục tiêu	Nguồn vốn thu sử dụng đất hỗ trợ mục tiêu nông thôn mới	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số	3.938.500	1.865.300	191.420	634.000	108.000	200.000	939.780
1	Thành phố Biên Hoà	588.867	246.936		83.931			258.000
2	Thị xã Long Khánh	322.544	153.836	48.420	52.288	23.000		45.000
3	Huyện Nhơn Trạch	235.173	148.276	18.500	50.397			18.000
4	Huyện Long Thành	441.729	150.556		51.173			240.000
5	Huyện Trảng Bom	348.673	148.276		50.397			150.000
6	Huyện Cẩm Mỹ	287.124	155.403		52.821	45.000		33.900
7	Huyện Xuân Lộc	271.072	171.202	10.000	58.190			31.680
8	Huyện Tân Phú	459.937	195.342	85.000	66.395		100.000	13.200
9	Huyện Định Quán	409.106	184.049	29.500	62.557		100.000	33.000
10	Huyện Thống Nhất	278.763	146.850		49.913	40.000		42.000
11	Huyện Vĩnh Cửu	295.512	164.574		55.938			75.000

Phụ lục II.3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ XỔ SỔ KIẾN THIẾT HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số **199** /TTr-UBND ngày **04** tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	ĐD XD	Kế hoạch 2025	Trong đó		Đơn vị cấp huyện được hỗ trợ
				NSTT	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số		299.420	191.420	108.000	-
	Huyện Cẩm Mỹ		45.000	0	45.000	-
1	Dự án xây dựng Trường Mầm non Xuân Đông	CM	15.000		15.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
2	Dự án xây dựng Trường Mầm non Sông Ray ấp 1	CM	20.000		20.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
3	Dự án Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Cẩm Mỹ	CM	10.000		10.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
	Huyện Định Quán		29.500	29.500	0	-
4	Dự án Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Công an huyện Định Quán	ĐQ	9.500	9.500		UBND huyện Định Quán
5	Dự án Đường nối Phú Ngọc – Gia Canh	ĐQ	20.000	20.000		UBND huyện Định Quán
	Huyện Nhơn Trạch		18.500	18.500	0	-
6	Dự án Trụ sở Công an xã Phước An, huyện Nhơn Trạch	NT	4.200	4.200		UBND huyện Nhơn Trạch
7	Dự án Trụ sở Công an xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch	NT	9.300	9.300		UBND huyện Nhơn Trạch
8	Dự án Tuyến mương thoát nước hạ lưu chùa Ông ra kênh Bà Ký và tuyến mương thoát nước đường hẻm cạnh quán café sân vườn	NT	5.000	5.000		UBND huyện Nhơn Trạch
	Huyện Tân Phú		85.000	85.000	0	-
9	Đường be 129 (giai đoạn 2)	TP	20.000	20.000		UBND huyện Tân Phú
10	Nâng cấp, mở rộng đường Phú Lộc – Phú Tân	TP	30.000	30.000		UBND huyện Tân Phú
11	Dự án khu tái định cư 15 ha huyện Tân Phú	TP	35.000	35.000		UBND huyện Tân Phú
	Huyện Xuân Lộc		10.000	10.000	0	-
12	Dự án Sửa chữa, chỉnh trang các tuyến đường khu trung tâm huyện, chỉnh trang Hoa viên 9 tháng 4	XL	10.000	10.000		UBND huyện Xuân Lộc
	Thành phố Long Khánh		71.420	48.420	23.000	-
13	Dự án Nâng cấp đường số 2, phường Xuân Bình	LK	1.770	1.770		UBND thành phố Long Khánh
14	Dự án Lắp đặt Bảng chỉ dẫn và cải tạo, chỉnh trang khu vực trước khuôn viên Di tích Mộ Cụ Thạch Hàng Gòn	LK	2.900		2.900	UBND thành phố Long Khánh
15	Dự án Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa thể thao – Học tập cộng đồng phường Xuân Lập	LK	4.700		4.700	UBND thành phố Long Khánh
16	Dự án Nâng cấp, sửa chữa Đền thờ Liệt sỹ thành phố Long Khánh	LK	4.700		4.700	UBND thành phố Long Khánh
17	Dự án Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa Học tập Cộng đồng phường Bàu Sen	LK	4.900		4.900	UBND thành phố Long Khánh
18	Dự án Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc UBND xã Bàu Trâm	LK	5.400	5.400		UBND thành phố Long Khánh
19	Dự án Nâng cấp, cải tạo Đài Tổ Quốc ghi công và hàng rào trong Nghĩa trang liệt sỹ Long Khánh	LK	5.800		5.800	UBND thành phố Long Khánh
20	Dự án Cải tạo, phân luồng giao thông khu vực xung quanh Công viên Bía Chiến thắng, phường Xuân An	LK	5.000	5.000		UBND thành phố Long Khánh

STT	Danh mục dự án	ĐD XD	Kế hoạch 2025	Trong đó		Đơn vị cấp huyện được hỗ trợ
				NSTT	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7
21	Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc UBND phường Suối Tre	LK	10.000	10.000		UBND thành phố Long Khánh
22	Dự án Ngầm hóa đường dây hạ thế, trung thế trên đường CMT8 đoạn giao Hùng Vương với Nguyễn Thị Minh Khai	LK	10.000	10.000		UBND thành phố Long Khánh

Phụ lục II.4

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN THU SỬ DỤNG ĐẤT HỖ TRỢ MỤC TIÊU NÔNG THÔN MỚI CHO CẤP HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số **199** /TTr-UBND ngày **04** tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	ĐD XD	Kế hoạch 2025 nguồn Đất	Đơn vị cấp huyện được hỗ trợ
1	2	3	4	5
	Tổng số		200.000	-
	Huyện Định Quán		100.000	
1	Đường nối Phú Ngọc - Gia Canh	ĐQ	55.000	UBND huyện Định Quán
2	Đường liên ấp 2-4-5 xã Thanh Sơn	ĐQ	30.000	UBND huyện Định Quán
3	Đường ống cấp nước sinh hoạt ấp 1, 2 xã Thanh Sơn	ĐQ	15.000	UBND huyện Định Quán
	Huyện Tân Phú		100.000	
4	Nâng cấp điểm trường chính - Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	TP	19.000	UBND huyện Tân Phú
5	Nâng cấp trường Tiểu học Phù Đồng	TP	30.000	UBND huyện Tân Phú
6	Nâng cấp Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng	TP	26.000	UBND huyện Tân Phú
7	Mở rộng trường tiểu học Phú Trung	TP	20.000	UBND huyện Tân Phú
8	Nâng cấp trường Mầm non Núi Tượng	TP	5.000	UBND huyện Tân Phú

Phụ lục II.5

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số 199 /TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định duyệt dự án và điều chỉnh		Kế hoạch 2025	Chủ đầu tư
				Số/ngày các QĐ	Tổng mức vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số					3.315.982	
A	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác					2.247.736	
	Giao thông						
I	Dự án chuyển tiếp						
1	Dự án thành phần 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh	NT	2023-2026	295/QĐ 24/2/2023	2.583.995	355.219	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1 (có sử dụng vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội năm 2023)		2023-2026	233/QĐ 15/2/2023	6.012.349	428.753	
	trong đó:						
a	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1	BH-LT		233/QĐ 15/2/2023	6.012.349	428.753	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
II	Dự án khởi công mới						
1	Dự án xây dựng đường Liên Cảng, huyện Nhơn Trạch (giai đoạn 1)						
	trong đó:						

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định duyệt dự án và điều chỉnh		Kế hoạch 2025	Chủ đầu tư
				Số/ngày các QĐ	Tổng mức vốn đầu tư		
a	Dự án xây dựng đường Liên Cảng, huyện Nhơn Trạch (giai đoạn 1)	NT	2025-2026	3027/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	2.695.062	663.764	UBND huyện Nhơn Trạch
b	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường Liên Cảng, huyện Nhơn Trạch (giai đoạn 1)	NT	2025-2026	1686/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	1.176.048	800.000	UBND huyện Nhơn Trạch
B	Hỗ trợ có mục tiêu					1.068.246	
	Giao thông						
I	Dự án chuyển tiếp						
1	Đường Vành Đai 1, thành phố Long Khánh	LK	2023-2025	2321/QĐ - 06/9/2022	939.480	335.921	UBND thành phố Long Khánh
2	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa doàn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu), thành phố Biên Hòa	BH	2022-2025	1580/QĐ 13/5/2021; 4207/QĐ 8/10/2021	1.506.538	628.450	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						
II	Dự án chuyển tiếp						
1	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù lao Phố) thành phố Biên Hòa (nguồn vốn ngân sách tỉnh cho công tác bồi thường)	BH	2022-2025	2220/QĐ 16/7/2013 4387/QĐ 18/10/2021 263/QĐ 24/01/2022, 2716/QĐ 06/10/2022	350.788	103.875	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

Số: /NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 23

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 và kế hoạch đầu tư công năm 2025; Báo cáo thẩm tra số /BC-BKTNS ngày tháng năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024

1. Điều chỉnh các nguồn vốn năm 2024

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2024, số vốn giảm là 05 tỷ đồng. Kế hoạch năm 2024 từ nguồn vốn ngân sách trung ương sau khi giảm là 2.504 tỷ đồng.

b) Giao nguồn vốn xổ số kiến thiết dự phòng chưa phân bổ (nguồn vốn cấp sau quyết toán) là 11,585 tỷ đồng cho 03 dự án. Nguồn vốn xổ số kiến thiết cấp sau quyết toán còn lại là 352.271 đồng.

c) Giao chi tiết nguồn dự phòng ngân sách tỉnh cho 01 dự án là 53,514 tỷ đồng.

2. Tổng nguồn vốn kế hoạch sau điều chỉnh

a) Tổng nguồn vốn trong cân đối năm 2024 là 16.275,561 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là 12.367,553 tỷ đồng.

- Nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là 3.908,008 tỷ đồng.

b) Tổng các nguồn vốn các năm trước chuyển sang năm 2024 do Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch là 4.134,026 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2024.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khoá X Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy và HĐND, UBND cấp huyện;

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

Số: /NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 23

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 11 năm 2022;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 và kế hoạch đầu tư công năm 2025; Báo cáo thẩm tra số /BC-BKTNS ngày tháng năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kế hoạch đầu tư công năm 2025

- Tổng nguồn vốn ngân sách là 15.334,392 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn ngân sách địa phương là 12.018,41 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn ngân sách tập trung là 4.518,41 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 2.050 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn khai thác quỹ đất là 3.450 tỷ đồng.
 - Nguồn Bội chi ngân sách địa phương là 2.000 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn ngân sách trung ương là 3.315,982 tỷ đồng.
- Nội dung phân bổ nguồn vốn
 - Nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu là 11.395,892 tỷ đồng.

- Nguồn vốn ngân sách tập trung là 2.461,69 tỷ đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 1.308 tỷ đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất là 2.310.220 tỷ đồng.
- Nguồn Bội chi ngân sách địa phương là 2.000 tỷ đồng.
- Nguồn vốn ngân sách trung ương là 3.315,982 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao chỉ tiêu là 3.938,5 tỷ đồng.

- Nguồn vốn ngân sách tập trung là 1.865,3 tỷ đồng.
- Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất là 939,78 tỷ đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 634 tỷ đồng.
- Nguồn vốn ngân sách tập trung hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện là 191,42 tỷ đồng.
- Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất hỗ trợ mục tiêu nông thôn mới cho cấp huyện là 200 tỷ đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện là 108 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III, IV, V, VI đính kèm)

3. Danh mục dự án trọng điểm năm 2025 (gồm 12 dự án)

- Dự án Đường liên cảng huyện Nhơn Trạch (giai đoạn 1): dự án khởi công mới.
- Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường Liên cảng (giai đoạn 1): dự án khởi công mới.
- Dự án thành phần 3: Đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh (đoạn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai) (dự án chuyển tiếp).
- Dự án thành 1 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1 (dự án chuyển tiếp).
- Dự án thành 2 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1: thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (dự án chuyển tiếp).
- Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hoà (từ cầu Hoá An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu), (dự án chuyển tiếp).
- Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hoà (từ cầu Hoá An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu), (dự án chuyển tiếp).
- Dự án xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hoà – đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu), (dự án chuyển tiếp).

- Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu) - (dự án chuyển tiếp).

- Dự án đường ven Sông Cái (đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn), thành phố Biên Hòa - (dự án chuyển tiếp).

- Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa (dự án chuyển tiếp).

- Dự án Đường Vành đai 1 thành phố Long Khánh, (dự án chuyển tiếp).

4. Giải pháp thực hiện:

a) Nhóm giải pháp về huy động các nguồn lực ngoài ngân sách tham gia phát triển kết cấu hạ tầng:

- Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư để triển khai đầu tư phát triển, trong đó, tập trung thực hiện khai thác quỹ đất đối với dự án có khả năng khai thác từ quỹ đất hình thành sau khi xây dựng hoàn thành dự án để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định; Chủ động xây dựng kế hoạch đấu giá đất năm 2025 ngay từ đầu năm, đồng thời sớm giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện để sớm thực hiện việc đấu giá các khu đất đã được dự kiến trong giai đoạn 2021-2025, đồng thời tập trung xây dựng kế hoạch đấu giá đất trong giai đoạn 2026-2030 làm cơ sở sớm triển khai thực hiện; Theo dõi, quản lý các nguồn thu từ ngân sách, nguồn thu để lại cho chi đầu tư theo quy định; huy động các nguồn vốn đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư và xây dựng cơ chế, chính sách để vận động tổ chức, cá nhân tham gia các dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn; bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn lực; bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định

- Tập trung việc thẩm định và phê duyệt, điều chỉnh hồ sơ dự án, các quy hoạch có liên quan đối với các dự án đã có nhà đầu tư đề xuất lập hồ sơ triển khai theo hình thức đối tác công tư.

- Các địa phương tích cực khai thác quỹ đất để tạo nguồn đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Thực hiện các biện pháp tăng thu để bổ sung nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng; trong đó tập trung từ các nguồn thu để lại cho chi đầu tư, quản lý nguồn thu và khai thác các hình thức kinh doanh điện tử có tính chất thuộc nguồn xổ số kiến thiết.

- Huy động thêm nguồn vốn khác (tạm ứng) để bổ sung vốn cho các dự án cấp thiết, dự án cần sớm triển khai, trong đó tập trung xử lý tạm ứng các dự án

đã dự kiến bố trí từ nguồn đầu giá đất (để thực hiện bồi thường) nhưng tại thời điểm thực hiện chưa có nguồn đầu giá.

- Quản lý, theo dõi chặt chẽ các nguồn thu từ ngân sách nhà nước để chi đầu tư phát triển, đặc biệt là nguồn khai thác đầu giá đất; đảm bảo kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của ngân sách địa phương, bảo đảm không tăng mức bội chi ngân sách địa phương hằng năm theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội.

b) Nhóm các giải pháp về nâng cao công tác quản lý và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công:

- Tăng cường tổ chức thực hiện Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan; rà soát hoàn thiện các cơ chế chính sách, quy định pháp luật về đầu tư công, đất đai, đầu tư, xây dựng, đấu thầu... nhằm đảm bảo quản lý thống nhất, hiệu quả và phát huy tính chủ động, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành. Kiên quyết siết chặt kỷ luật, kỷ cương và tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án đầu tư công, trong đó nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư dự án; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với thực tế, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư công. Kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tiến độ thực hiện, thời gian bố trí vốn, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn của từng dự án đầu tư công theo đúng chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định và quy định pháp luật có liên quan.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động trong điều hành kế hoạch đầu tư công; rà soát, bố trí vốn cho các dự án đảm bảo thời gian bố trí vốn theo quy định và hoàn thành theo tiến độ đã đề ra để đảm bảo hiệu quả, mục tiêu của các dự án đầu tư công; giao kế hoạch và giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu; hạn chế việc không tổ chức thực hiện hoặc điều chuyển vốn giữa các dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Tập trung công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng của các dự án triển khai năm 2025 để đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án. Trong đó, địa phương cấp huyện cần khẩn trương rà soát nhu cầu, quy hoạch và huy động, bố trí các nguồn vốn triển khai xây dựng các khu tái định cư trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế.

- Việc phê duyệt quyết định dự toán bồi thường để thực hiện chi trả cho người dân là phải căn cứ trên nguồn vốn dự kiến có thể cân đối, hạn chế việc

phê duyệt dự toán nhưng chưa có nguồn để chi trả, đồng thời tổ chức đánh giá năng lực đội ngũ làm công tác bồi thường nhất là tính phối hợp giữa các đơn vị làm công tác xây dựng cơ bản, bồi thường.

- Chỉ đạo các địa phương tập trung trong công tác bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2025 đảm bảo theo các quy tắc phân bổ nêu trên, hạn chế xảy ra nợ đọng vốn đầu tư; đồng thời khẩn trương triển khai thực hiện dự án sau khi nhận được thông báo chi tiết kế hoạch đầu tư vốn năm 2025. Trong khi nguồn vốn ngân sách có hạn, việc bố trí kế hoạch phải tập trung cho các dự án thực sự cấp thiết, phát huy hiệu quả cao. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có bổ sung thêm vốn đầu tư công, phải tập trung bố trí các dự án hoàn thành trong năm, các dự án thật sự cấp thiết, giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực và chương trình.

- Các đơn vị chủ đầu tư và Ủy ban nhân dân các địa phương nghiêm túc thực hiện triển khai dự án theo mức vốn kế hoạch đã được giao; các chủ đầu tư căn cứ kế hoạch đã giao từ đầu năm tập trung triển khai trong công tác khảo sát thiết kế, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình và thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân và hoàn thành kế hoạch được giao. Chủ động có giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng, đấu thầu..., đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, dự án và làm hồ sơ giải ngân kịp thời, thực hiện tốt công tác thanh, quyết toán công trình.

- Chỉ đạo các Sở ngành và các đơn vị chủ đầu tư tập trung triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án chuyển tiếp, khởi công mới, đặc biệt là các dự án trọng điểm và cấp thiết.

- Tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch năm 2025. Thành lập Tổ công tác nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc và đôn đốc tiến độ giải ngân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra trong công tác đấu thầu, công tác giám định chất lượng công trình, công tác giám sát đầu tư cộng đồng để góp phần chống thất thoát lãng phí trong đầu tư từ ngân sách. Rà soát tiến độ thực hiện hợp đồng đối với những nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện chậm tiến độ, các tổ chức tư vấn lập hồ sơ thiết kế không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với thực tế để phải xử lý trong quá trình thi công, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án để có hình thức xử lý theo hợp đồng.

- Thực hiện công khai kết quả giải ngân của từng địa phương và đơn vị chủ đầu tư, xem kết quả giải ngân dự án đầu tư công là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 của tổ chức, cá nhân được phân công theo dõi và người đứng đầu các cấp chính quyền.

- Có chế tài xử lý nghiêm khắc cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trì trệ, gây những nhiễu, tiêu cực, kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khoá X Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy và HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo